

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐẶNG THỊ NGỌC NGÂN**

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI  
CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TỪ THỰC  
TIỄN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, năm 2016**

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐẶNG THỊ NGỌC NGÂN**

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI  
CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TỬ THỰC  
TIỀN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự  
Mã số : 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG**

**HÀ NỘI, năm 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của bản thân tôi. Các số liệu là trung thực, khách quan. Những kết quả nghiên cứu trong luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**Tác giả luận văn**

**Đặng Thị Ngọc Ngân**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI</b> .....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.....	7
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.....	20
Kết luận chương 1 .....	35
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> .....	37
2.1. Tổng quan kết quả quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng .....	37
2.2. Những vi phạm, sai lầm trong quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và nguyên nhân.....	42
Kết luận chương 2 .....	51
<b>CHƯƠNG 3. CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI</b> .....	52
3.1. Các yêu cầu bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội.....	52
3.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội .....	58
Kết luận chương 3 .....	75
<b>KẾT LUẬN</b> .....	77
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	: Bộ luật Dân sự
BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLLĐ	: Bộ luật Lao động
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
HĐXX	: Hội đồng xét xử
NCTN	: Người chưa thành niên
QĐHP	: Quyết định hình phạt
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1.	Tổng số vụ án có bị cáo là người chưa thành niên so với tổng số vụ án và bị cáo mà TAND quận Hải Châu đã xét xử (2011-2015)	38
2.2.	Các loại hình phạt mà TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã áp dụng đối với NCTN phạm tội (2011-2015)	39
2.3.	Các mức hình phạt mà TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng áp dụng đối với NCTN phạm tội (2011-2015)	39

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Pháp luật với tư cách là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội. Nó luôn tác động và ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến các quan hệ xã hội nói chung và tới các đối tượng mà nó điều chỉnh nói riêng, vì vậy để pháp luật phát huy được vai trò, tác dụng và giá trị to lớn của nó thì cần phải xây dựng một hệ thống pháp luật có tính khoa học, đảm bảo tác động có hiệu quả đến các đối tượng mà pháp luật cần điều chỉnh.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của cả nước, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã chuyển biến tích cực, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, diện mạo xã hội có nhiều thay đổi rõ rệt nhưng mặt trái của nền kinh tế thị trường đã làm cho một bộ phận thanh thiếu niên hư hỏng, không lo tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà chạy theo lối sống thực dụng, ích kỷ, có lối hành xử theo kiểu xã hội đen, côn đồ, hung hãn; người chưa thành niên phạm tội không chỉ trẻ hóa về độ tuổi, sự tinh vi, xảo quyệt trong hành vi mà còn lập băng nhóm phạm tội có tổ chức như: trộm cắp, cướp giật, giết người, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy.... và thậm chí có nhiều loại tội phạm trước đây người chưa thành niên ít hoặc không thực hiện thì nay có xu hướng gia tăng như: nhóm tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng ...

Trước diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội của tình hình tội phạm nói chung và tình hình người chưa thành niên phạm tội nói riêng trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vấn đề nâng cao chất lượng xét xử, phục vụ cho đấu tranh và phòng chống tội phạm được đặt ra như là một yêu cầu cấp bách và cần thiết trong

giai đoạn hiện nay. Thực tiễn trong công tác xét xử tại địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, việc áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội của Tòa án nhân dân đã đem lại những kết quả nhất định. Song bên cạnh đó, vẫn còn một số trường hợp Tòa án để xảy ra sai sót, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo là người chưa thành niên. Nguyên nhân của những sai sót đó thì nhiều, trong đó phải kể đến một số nguyên nhân chính như: quy định của pháp luật còn hạn chế, bất cập, việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật chưa được kịp thời, kinh nghiệm và năng lực của những người tiến hành tố tụng chưa đáp ứng được yêu cầu ... Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài “*Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự từ thực tiễn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*” để làm luận văn thạc sỹ luật học. Đề tài này nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình xét xử đối với người chưa thành niên trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Từ đó, đưa ra các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội là hết sức cần thiết.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Quyết định hình phạt không phải là vấn đề mới trong lý luận và thực tiễn xét xử nhưng việc nhận thức đúng về mặt lý luận và những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyết định hình phạt theo pháp luật hình sự là cơ sở để quyết định hình phạt đúng và nâng cao hiệu quả của hình phạt. Chính vì vậy, vấn đề nhận thức lý luận về quyết định hình phạt nói chung và quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng có ý nghĩa to lớn đối với việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

Tính đến thời điểm hiện nay, trong tầm quan sát của tác giả thấy rằng,



có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này. Trong đó có một số công trình của một số tác giả tiêu biểu như: Phó giáo sư - Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Hòa “Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam” (Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam - Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 1995); Cao Thị Oanh (Chủ biên) “Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung”, Nxb. Giáo dục Hà Nội, 2012; Giáo sư - Tiến sỹ Võ Khánh Vinh (Chủ biên) với “Luật hình sự phần chung” Nxb Khoa học xã hội, 2014; Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Văn Độ, Đặng Quang Phương, Ngô Ngọc Thủy, Phạm Văn Tĩnh “Tội phạm học, luật hình sự và tổ tụng hình sự Việt Nam” Nxb. Chính trị quốc gia, 1994; Lương Ngọc Trâm “Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội”, Tạp chí Tòa án nhân dân (TANDTC), số 19/2014.

Ngoài ra, còn có nhiều tác giả chọn để làm đề tài luận văn Thạc sỹ cho mình như: “Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội”, Luận văn Thạc sỹ của tác giả Đỗ Mạnh Tăng và Thạc sỹ Nguyễn Thị Hương (2011) tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam – Học viện Khoa học xã hội; “Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội”, Luận văn Thạc sỹ của tác giả Đặng Trần Thanh Ngọc (2007), tại Viện Nhà nước và Pháp luật; “Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội”, Luận văn Thạc sỹ của tác giả Nguyễn Quốc Thiện (2015), tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam – Học viện Khoa học xã hội.

Các công trình đã nêu trên là cơ sở lý luận quan trọng không thể thiếu được trong việc thực hiện đề tài Luận văn. Bởi vì, trong đó không chỉ chứa đựng những hướng dẫn lý luận về các vấn đề cơ bản mà đề tài Luận văn cần phải giải quyết, mà còn có những chỉ dẫn cho việc thực hiện đề tài như thế nào.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1 Mục đích nghiên cứu*

Luận văn nghiên cứu lý luận về quyết định hình phạt đối với người

chưa thành niên phạm tội, những quy định của pháp luật có liên quan đến việc xét xử vụ án hình sự đối với người chưa thành niên và thực tiễn áp dụng pháp luật. Từ đó, đề ra các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện nhằm bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên phạm tội.

### *3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện một số vấn đề lý luận chung về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật trong quá trình xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo là người chưa thành niên trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để tìm ra những bất cập của pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

- Nghiên cứu những bất cập của pháp luật hình sự hiện hành, tác giả đưa ra các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1 Đối tượng nghiên cứu*

Luận văn chủ yếu tập trung phân tích và làm sáng tỏ những quy định về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành.

### *4.2 Phạm vi nghiên cứu*

Dưới góc độ chuyên ngành luật hình sự, liên quan đến việc xét xử vụ án hình sự đối với người chưa thành niên và thực tiễn áp dụng các quy định này trong phạm vi quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 để phân tích, đánh giá, làm rõ những vấn đề thuộc nội dung luận văn.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *5.1 Phương pháp luận*

Để hoàn thành luận văn này, tác giả đã dựa vào phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội và những quy định của pháp luật có liên quan đến người chưa thành niên.

### *5.2 Phương pháp nghiên cứu*

Ngoài ra luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, phương pháp thống kê hình sự.... Các phương pháp nghiên cứu này được vận dụng một cách linh hoạt để đạt được hiệu quả cao.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### *6.1 Ý nghĩa lý luận*

Luận văn này có những đóng góp nhất định về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Thông qua những đề xuất, kiến nghị từ thực tiễn xét xử, luận văn góp phần hoàn thiện hơn nữa những quy định của pháp luật có liên quan đến quyết định hình phạt khi xét xử vụ án hình sự đối với người chưa thành niên. Đồng thời, có thể sử dụng luận văn này để làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập, công tác cũng như nghiên cứu khoa học.

### *6.2 Ý nghĩa thực tiễn*

Ngoài ra, trên cơ sở phân tích làm sáng tỏ những vấn đề về lý luận, luận văn góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, nâng cao kỹ năng trong thực tiễn xét xử của Tòa án. Do vậy, luận văn này cũng có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho những người làm công tác xét xử trong thực tiễn.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có cấu trúc gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm

Chương 2: Thực tiễn quyết định hình phạt hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

### 1.1. Những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

#### *1.1.1. Khái niệm và các đặc điểm của người chưa thành niên phạm tội*

Các nhà khoa học đã chứng minh rằng, không phải từ khi sinh ra con người đã có nhận thức đầy đủ về tự nhiên, xã hội và về chính mình. Khả năng nhận thức được những đòi hỏi của xã hội không tồn tại một cách bẩm sinh mà là kết quả của quá trình sống, quá trình hoạt động giao tiếp trong môi trường xã hội trong một thời gian nhất định. Khi khả năng nhận thức những đòi hỏi của con người đạt đến được giới hạn nhất định thì họ mới hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong đời sống xã hội, mới thấy được những đòi hỏi của xã hội đối với họ và từ đó mới có thể đánh giá được ý nghĩa xã hội của hành vi mà mình đã thực hiện. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, do những điều kiện kinh tế, xã hội khác nhau nên pháp luật cũng quy định độ tuổi đạt được mức độ nhận thức đầy đủ khác nhau.

Ở Việt Nam, người được coi là có nhận thức đầy đủ là người từ đủ 18 tuổi trở lên và người dưới 18 tuổi - hay còn gọi là người chưa thành niên là “người chưa đến tuổi được pháp luật công nhận với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ”. Điều này được ghi nhận thống nhất trong Hiến pháp 2013, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Tất cả các văn bản pháp luật đó đều quy định tuổi của người chưa thành niên là dưới 18 tuổi và quy định riêng những

chế định pháp luật đối với người chưa thành niên trong từng lĩnh vực cụ thể.

Trong pháp luật hình sự, thuật ngữ người chưa thành niên được sử dụng dưới hai góc độ vừa là chủ thể của tội phạm vừa là đối tượng tác động của tội phạm. Dưới góc độ là chủ thể của tội phạm, độ tuổi của NCTN phạm tội được giới hạn hẹp hơn so với độ tuổi của NCTN trong các ngành luật khác, đó là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Điều 68 BLHS quy định “Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này”. Như vậy, NCTN chưa đủ 14 tuổi là người không đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì ở độ tuổi này, trí tuệ của họ chưa phát triển đầy đủ nên chưa nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình, chưa đủ khả năng tự chủ để hành động nên họ không bị coi là người có lỗi về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện.

Tuy nhiên, Điều 12 BLHS cũng có sự phân hóa trách nhiệm hình sự trong lứa tuổi NCTN:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”

Như vậy, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý. Cơ sở của việc miễn giảm này là xuất phát từ việc NCTN ở độ tuổi này do khả năng nhận thức xã hội còn non nớt, bồng bột, khả năng điều khiển hành vi còn hạn chế bởi vậy họ không phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Đối với NCTN từ đủ 16 tuổi cho đến

dưới 18 tuổi thì phải phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình thực hiện.

Tóm lại, trên cơ sở các lập luận trên, có thể đưa ra định nghĩa khoa học về NCTN phạm tội như sau: “Người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ do sự hạn chế bởi các đặc điểm về tâm sinh lý và đã có lỗi (lỗi cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm”

Các đặc điểm của người chưa thành niên phạm tội:

- Về trạng thái cảm xúc: người chưa thành niên là người đang trong quá trình phát triển cả về sinh lý, tâm lý và ý thức. Đây là giai đoạn diễn ra những biến cố rất đặc biệt, đó là sự phát triển cơ thể mất cân bằng nên đã dẫn đến tình trạng mất cân bằng tạm thời trong cảm xúc của người chưa thành niên. Trên thực tế, trạng thái thần kinh, trạng thái cảm xúc không cân bằng có thể là yếu tố gây nên các hành vi lệch chuẩn. Có không ít trường hợp, do xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ, nhưng không kiềm chế được sự nóng giận quá khích mà NCTN đã phạm phải hành động sai lầm, thậm chí là thực hiện hành vi phạm tội.

- Về nhận thức pháp luật: Có thể nói, lứa tuổi chưa thành niên là giai đoạn phát triển như “vũ bão” về mặt sinh học nhưng lại thiếu cân đối về mặt trí tuệ. Đó là lứa tuổi mà kinh nghiệm trong cuộc sống còn quá ít ỏi, đặc biệt là khả năng nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế. Một phần không nhỏ NCTN thực hiện hành vi phạm tội chỉ để thỏa mãn nhu cầu, hứng thú không đúng đắn của cá nhân, không quan tâm đến hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Chỉ khi được giải thích, phân tích thì các em mới hiểu rằng hành vi của mình là phạm tội.

- Về nhu cầu độc lập: Nhu cầu độc lập có thể được hiểu là việc cá nhân tự hành động và tự ra quyết định theo ý kiến riêng mà không muốn bị ảnh

hưởng của người khác. Nhưng chúng ta cũng cần lưu ý rằng, nhu cầu độc lập không chỉ có mặt tích cực, mà còn có mặt tiêu cực nếu một khi nó phát triển theo hướng thái quá. Đặc biệt, ở lứa tuổi chưa thành niên, nhu cầu độc lập thái quá thường biểu hiện ra bên ngoài dưới dạng các hành vi nhưng ngang bướng, cố chấp, dễ tự ái, gây gổ, phô trương. Tất cả những hành vi này của người chưa thành niên đều mang tính chất của hành vi lệch chuẩn, dễ dẫn đến các hành vi phạm tội.

- Về nhu cầu khám phá cái mới: Tìm hiểu, khám phá cái mới là một trong những nhu cầu của các em ở lứa tuổi chưa thành niên. Tuy vậy, sự tò mò và khám phá cái mới cũng có thể trở thành một trong những nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của các em, nếu các em thiếu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của gia đình, xã hội, không tự chủ được bản thân và không phân biệt được phải trái, đúng sai.

### ***1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội***

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn và nội dung cơ bản, đóng vai trò quan trọng trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự và Tòa án là cơ quan có quyền QĐHP. Điều này được ghi nhận ở Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013: “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” (Điều 102) cũng như được quy định tại Điều 26 của Bộ luật hình sự: “Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định”. Như vậy, hình phạt là biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do TAND nhân danh Nhà nước quyết định áp dụng đối với người phạm tội, không một cơ quan khác nào ngoài Tòa án nhân dân có quyền áp dụng hình phạt. Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để làm căn cứ QĐHP đối với người phạm tội, thể hiện sự lên án, sự trừng trị nghiêm khắc của Nhà nước đối với



người phạm tội.

QĐHP bao gồm hai nội dung chính, đó là: Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) được áp dụng đối với bị cáo và xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Hai nội dung đó được tiến hành theo tuân tự đã nêu ở trên và được thực hiện khi áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung. Loại và mức hình phạt được quyết định áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản án buộc tội theo các quy định của pháp luật và được công bố một cách công khai khi tuyên án.

Hình phạt do Tòa án quyết định tùy thuộc vào tình hình cụ thể của vụ án có thể là nghiêm khắc, ít nghiêm khắc hoặc nhẹ nhưng trong mọi trường hợp bao giờ cũng bảo đảm đúng pháp luật, công bằng và cá thể hóa. Điều đó có nghĩa rằng, khi QĐHP phải bảo đảm sự tương xứng của hình phạt được tuyên với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, với các đặc điểm nhân thân người phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, với dư luận xã hội, với ý thức pháp luật. Để đảm bảo sự tương xứng đó khi QĐHP phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, cân nhắc nhân thân người phạm tội, cân nhắc các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm: “*QĐHP là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội*”.

QĐHP có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị và pháp luật. Chỉ khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng thì mục đích của hình phạt mới đạt được, tức là có tác dụng giáo dục và cải tạo người phạm tội,

ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác. Hình phạt được giáo dục quá nhẹ so với tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm mà còn nảy sinh thái độ xem thường pháp luật của người phạm tội nói riêng và trong quần chúng nhân dân nói chung. Ngược lại hình phạt được quyết định quá nặng sẽ gây ra tâm lý không tin tưởng vào tính công bằng của pháp luật và sự công minh của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như không thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước ta. Cả hai tình trạng đó đều dẫn đến hậu quả làm giảm ý nghĩa giáo dục riêng và phòng ngừa chung của hình phạt. Như vậy, quyết định đúng đắn sẽ góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự và kỷ cương xã hội được giữ vững.

QHDP đối với NCTN phạm tội không chỉ là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể để áp dụng đối với họ là đủ. Bởi vì NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương với nhiều thay đổi về tâm sinh lý. Do vậy, việc áp dụng hình phạt đối với họ chỉ trong trường hợp thật sự cần thiết. Nếu NCTN phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án có thể áp dụng biện pháp tư pháp mang tính giáo dục, phòng ngừa, không phải là hình phạt cũng đủ tính răn đe và giáo dục. Việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với NCTN luôn phải đặt trong mối quan hệ với trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội cũng như điều kiện, hoàn cảnh phạm tội. Trong quy định của Bộ luật hình sự, chính sách xử lý đối với NCTN phạm tội chủ yếu là giáo dục, tạo điều kiện để họ nhanh chóng cải tạo bản thân, nhận thức được hành vi nào đúng, hành vi nào là pháp luật cấm, sửa chữa lỗi lầm, để họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Điều này đã được thể chế hóa tại Điều 69 của Bộ luật hình sự: *“Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo*

*dục, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”.*

### ***1.1.3. Các nguyên tắc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội***

Để QĐHP đúng pháp luật, công bằng và đạt được mục đích của hình phạt, cần phải tuân thủ các nguyên tắc QĐHP. Khi QĐHP đối với NCTN phạm tội phải luôn đặt ra trong mối quan hệ với trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt là một trong những vấn đề quan trọng của quyết định hình phạt. Việc nhận thức, vận dụng đúng các nguyên tắc QĐHP trong thực tiễn xét xử giúp Tòa án có thể quyết định đúng pháp luật, công bằng, điều này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn. Về lý luận, khi làm sáng tỏ những nguyên tắc QĐHP sẽ góp phần vào việc nhận thức được bản chất, nội dung, nguồn gốc, ý nghĩa của chế định hình phạt, phân biệt chúng với các căn cứ QĐHP, để đưa ra phương án tối ưu để thể hiện chúng trong các quy phạm của luật hình sự. Về thực tiễn, các nguyên tắc này là những tư tưởng chỉ đạo, là kim chỉ nam cho hoạt động xét xử của Tòa án để quyết định loại, mức hình phạt đối với từng bị cáo trong từng vụ án cụ thể, là tiền đề, là điều kiện cho việc cải tạo, giáo dục người bị kết án, góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm đạt hiệu quả.

Chế định hình phạt có những nét đặc thù riêng, nên khi áp dụng nó, ngoài nguyên tắc chung của ngành luật, còn phải tuân thủ theo các nguyên tắc đặc thù của nó. Như vậy, giữa nguyên tắc chung của Luật hình sự và nguyên tắc QĐHP là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Các nguyên tắc của Luật hình sự là cái chung còn các nguyên tắc QĐHP là cái riêng. Hai nguyên tắc này tồn tại một cách khách quan nhưng có mối liên hệ hữu cơ, bổ sung cho nhau. Nội dung một số nguyên tắc chung của Luật hình sự cũng thể hiện

ở nội dung của một số nguyên tắc QĐHP như: nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc nhân đạo. Ngoài ra, chế định QĐHP còn có nguyên tắc đặc thù như: nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, nguyên tắc công bằng. Sự khác nhau của các nguyên tắc QĐHP với nguyên tắc chung của Luật hình sự ở mức độ cụ thể hóa cao và tính đặc thù nhất định do các đặc điểm của QĐHP chứ không phải sự đối lập mâu thuẫn về nội dung, nó có tính thống nhất khi áp dụng những nguyên tắc này để đưa ra một phán quyết một cách chính xác, công bằng.

Như vậy, có thể hiểu các nguyên tắc QĐHP là những tư tưởng được thể hiện trong luật hoặc được làm sáng tỏ bắt nguồn từ việc giải thích luật. Đó là những nguyên lý quan trọng nhất chỉ đạo, xác định và định hướng hoạt động của Tòa án khi áp dụng các chế tài luật hình sự đối với người thực hiện tội phạm.

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa các nguyên tắc QĐHP như sau: “Các nguyên tắc quyết định hình phạt là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo được quy định trong pháp luật hình sự và do giải thích mà có, xác định và định hướng hoạt động của Tòa án khi áp dụng chế tài luật hình sự đối với người phạm tội” [14, tr.38].

Nguyên tắc QĐHP đối với NCTN phạm tội gồm các nguyên tắc chung bao gồm: nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và nguyên tắc công bằng và các nguyên tắc đặc thù (chỉ áp dụng đối với NCTN phạm tội).

#### *1.1.3.1. Các nguyên tắc chung*

Thứ nhất, nguyên tắc pháp chế: Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc này là thể hiện ở chỗ khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội Tòa án phải tuân thủ các quy định của pháp luật hình sự, cụ thể Điều 2 Bộ luật hình sự quy định rõ: “ Chỉ người nào phạm tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Điều này có nghĩa là hành vi vi phạm pháp luật

nào được quy định trong BLHS thì người phạm tội mới chịu trách nhiệm hình sự. Nguyên tắc pháp chế là nguyên tắc rất quan trọng vì chỉ áp dụng các nguyên tắc khác để QĐHP vào thực tiễn xét xử chỉ khi đã tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc này. Nguyên tắc này áp dụng chung cho tất cả người phạm tội. Pháp luật nước ta loại bỏ nguyên tắc tương tự trong lĩnh vực hình sự là một việc làm có ý nghĩa chính trị - pháp lý rất lớn đối với việc củng cố và tăng cường nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, là cơ sở pháp lý vững chắc của việc QĐHP, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải định nghĩa tội danh đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Theo nguyên tắc pháp chế, QĐHP là thẩm quyền của Tòa án. Điều 26 Bộ luật hình sự quy định: “Hình phạt phải do Tòa án quyết định”, có nghĩa QĐHP là thẩm quyền đặc biệt của Tòa án. Chỉ có Tòa án là cơ quan duy nhất nhân danh Nhà nước có quyền tuyên một hình phạt đối với bị cáo. Khi QĐHP, Tòa án phải tuân theo trình tự và các điều kiện áp dụng các loại hình phạt cụ thể và chỉ khi có thể tuyên những hình phạt được quy định trong luật.

Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi khi tuyên một hình phạt phải có tính xác định, có căn cứ lập luận và bắt buộc có lý do. Tính xác định của hình phạt trong bản án buộc tội thể hiện ở chỗ hình phạt được quyết định đối với bị cáo phải cụ thể về loại hình phạt và thời gian. Tính có căn cứ, lập luận và bắt buộc có lý do trong bản án đòi hỏi Tòa án phải nghiên cứu kỹ và làm sáng rõ các tình tiết có trong vụ án để làm căn cứ cho việc QĐHP. Những tình tiết đó phải là những tình tiết đã được xét hỏi, tranh tụng trong quá trình xét xử. Tính có căn cứ đòi hỏi phải chỉ rõ các lý do của việc QĐHP.

Ngoài ra, nguyên tắc pháp chế đòi hỏi phải có tính hợp lý khi QĐHP. Tính hợp lý thể hiện ở chỗ trong số những phương án giải quyết khác nhau mà luật cho phép, Tòa án phải lựa chọn một loại và mức hình phạt, một mặt phải đúng luật mặt khác phải phù hợp với các nguyên tắc khác, phù hợp với

các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, nguyên tắc nhân đạo: thể hiện tập trung nhất ở chỗ khi QĐHP, Tòa án phải cân nhắc lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội trong một tổng thể thống nhất biện chứng, hài hòa và hợp lý. Nhân đạo xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có thái độ đúng đắn cả đối với lợi ích của toàn xã hội và Nhà nước, lẫn lợi ích của bị cáo. Bởi vì, không thể nói đến nhân đạo được nếu khi QĐHP mà quá đề cao lợi ích của Nhà nước, của xã hội mà hạ thấp, xem thường lợi ích của bị cáo và ngược lại.

Điểm nổi bật nhất của nguyên tắc nhân đạo khi QĐHP thể hiện ở chỗ pháp luật hình sự nước ta quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS và hình phạt đối với những người phạm tội ít nguy hiểm cho xã hội và cho những người phạm tội lần đầu, những người thật thà khai báo, tố giác những đồng phạm khác, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại ... (Điều 46 BLHS). Đối với những người này, khi QĐHP, tùy theo các tình tiết của vụ án, mức phạt tù và nhân thân của người phạm tội, Tòa án có thể cho bị cáo được hưởng án treo; khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 của BLHS Tòa án có thể QĐHP nhẹ hơn quy định của khung hình phạt (Điều 47 BLHS)...

Một nội dung khác của nguyên tắc nhân đạo thể hiện ở chỗ luật hình sự nước ta có những quy định QĐHP rất nghiêm khắc đối với những người phạm tội đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tổ chức ... nhằm bảo vệ có hiệu quả quyền lợi của xã hội, của Nhà nước và mọi công dân khỏi sự xâm hại của tội phạm. Nhưng khi QĐHP đối với những người này, nguyên tắc nhân đạo đòi hỏi phải chọn một biện pháp nghiêm khắc thích hợp, phải tuân thủ theo một nguyên lý cơ bản là người bị kết án cũng là con người và mọi người phạm tội có thể được giáo dục, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội.

Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện ở việc hạn chế sự trừng trị, tức là: trong một vụ án Tòa án có thể tuyên một trong những mức cho phép đối với bị cáo (cần thiết tối thiểu, mức cao hơn cần thiết tối thiểu và mức tối đa), thì ở góc độ của việc hạn chế sự trừng trị, Tòa án nên tuyên mức hình phạt cần thiết tối thiểu. Trong mọi trường hợp, không cho phép QĐHP với mức “dự trữ” tức là quá mức cần thiết.

Thứ ba, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt: Tư tưởng cá thể hóa hình phạt được thể hiện rõ nhất ở việc quy định các chế tài, có hai loại chế tài đó là: Chế tài xác định tương đối và chế tài tùy nghi (lựa chọn). Đa số các chế tài của các điều luật ở phần các tội phạm quy định khung hình phạt rất rộng và quy định bằng hai hoặc nhiều loại hình phạt, cho phép Tòa án tùy từng trường hợp cụ thể áp dụng hình phạt khác đối với bị cáo cho phù hợp.

Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đòi hỏi phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các đặc điểm của nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Thứ tư, nguyên tắc công bằng: Tư tưởng của nguyên tắc công bằng xã hội của việc QĐHP thể hiện loại và mức hình phạt do Tòa án tuyên phải tương xứng với tội phạm đã thực hiện và nhân thân người phạm tội. Trước hết hình phạt đã tuyên phải tương xứng với tội đã phạm, nghĩa là tội đã phạm càng nghiêm trọng và trong những điều kiện khác giống nhau thì hình phạt phải càng nghiêm khắc và ngược lại. Ngoài ra, nguyên tắc này đòi hỏi khi QĐHP còn phải cân nhắc nhân thân người phạm tội và các tình tiết khác có trong vụ án vì rằng hình phạt bao giờ cũng được áp dụng đối với người phạm tội cụ thể, mà những người đó tất yếu có những đặc điểm, tích cách, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau... Đặc biệt, đối với NCTN cần phải thận trọng xem xét thật kỹ để chọn loại hình phạt áp dụng cho phù hợp bởi nếu quá nhấn mạnh, coi trọng đến yếu tố này mà xem thường yếu tố kia thì không thể tuyên được một hình phạt công bằng.

Nguyên tắc công bằng xã hội còn đòi hỏi hình phạt được tuyên cần phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, thể hiện tính đúng đắn của pháp luật và giải quyết được những bức xúc của dư luận xã hội, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và đạo đức xã hội của người dân.

#### *1.1.3.2. Các nguyên tắc đặc thù*

Điều 69 Bộ luật hình sự quy định 6 nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, trong đó thứ nhất là nguyên tắc xử lý chung, thứ hai là nguyên tắc miễn trách nhiệm hình sự, thứ ba là nguyên tắc vừa miễn trách nhiệm hình sự vừa quyết định hình phạt, còn nguyên tắc thứ tư, thứ năm và thứ sáu là nguyên tắc quyết định hình phạt.

Thứ nhất, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

Yêu cầu của nguyên tắc này là đặt mục đích giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, việc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên cũng phải thể hiện sao cho đảm bảo việc giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm. chứ không nhằm trừng trị.

Thứ hai, người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình cơ quan, tổ chức nhận giám sát giáo dục.

Thứ ba, việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và



phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm

Yêu cầu của nguyên tắc này là chỉ trong trường hợp cần thiết thì mới truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Ngay cả khi cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, thì không có nghĩa là phải áp dụng hình phạt đối với họ mà có thể áp dụng các biện pháp tư pháp, thậm chí miễn hình phạt cho họ nếu có những căn cứ.

Căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội là tính chất của hành vi phạm tội, những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa. Cần chú ý là yêu cầu của việc “ phòng ngừa” chứ không phải yêu cầu của việc “ chống ” tội phạm

Thứ tư, khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự.

Nguyên tắc này đòi hỏi Tòa án phải lựa chọn việc có áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội hay không, nếu có căn cứ để Tòa án không cần áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì áp dụng biện pháp tư pháp. Căn cứ để Tòa án lựa chọn việc có áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội hay không là tính chất của hành vi phạm tội, những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa

Thứ năm, không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ 14 đến dưới 16 tuổi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

Đây là nguyên tắc xử lý, nhưng lại là căn cứ quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Trước hết thái độ của Nhà nước ta là dứt khoát không áp dụng hình phạt tử hình và tù chung thân đối với người chưa thành niên phạm tội, thể hiện tính nhân đạo trong luật hình sự nước ta, quy định này thể hiện được nguyên tắc không lấy trừng trị là mục đích của hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội quy định ở nguyên tắc thứ nhất.

Thứ sáu, án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Đây cũng là nguyên tắc nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường, không thành kiến đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi là trẻ em.

## **1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội**

### ***1.2.1. Quy định của pháp luật hình sự về hình phạt và điều kiện áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội***

Hình phạt theo quy định tại Điều 26 BLHS “là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội”. Theo đó, hệ thống hình phạt bao gồm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Trong đó, hình phạt chính gồm có: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình; còn hình phạt bổ sung gồm có: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính), trục xuất (khi không áp dụng là hình phạt chính).

Tuy nhiên, đối với NCTN phạm tội thì chỉ được áp dụng các hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn và không được áp dụng các biện pháp bổ sung đối với họ. Các hình phạt đối với NCTN phạm tội cụ thể như sau:

Một là, hình phạt cảnh cáo

Đây là loại hình phạt nhẹ nhất trong tất cả các hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội. Do Chương XII của BLHS không có quy định riêng về việc áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN phạm tội nên khi áp dụng hình phạt này, Tòa án phải căn cứ vào quy định tại Điều 29 BLHS, chỉ được áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đến mức được miễn hình phạt. Điều này đồng nghĩa với việc hình phạt cảnh cáo chỉ được áp dụng đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Bởi lẽ, Điều 12 BLHS quy định người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Còn người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm.

Hai là, hình phạt tiền

Theo quy định tại khoản 5 Điều 69 và Điều 72 BLHS thì chỉ được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng. Do vậy, khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với NCTN, Tòa án cần phải xác định chính xác độ tuổi của họ tại thời điểm phạm tội và xác định rõ họ có thu nhập hoặc có tài sản riêng hay không, để từ đó xem xét họ có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền hay không. Nếu NCTN có thu nhập hoặc có tài sản riêng nhưng không đáng kể, không đủ để thi hành khoản tiền phạt buộc họ phải thi hành thì Tòa án không được áp dụng hình phạt tiền đối với họ. Trong mọi trường hợp, Tòa án không được áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội rồi buộc cha mẹ họ phải có nghĩa vụ nộp thay giống như trường hợp bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự.

Khi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội,

Tòa án cần phải lưu ý là mức phạt tiền đối với họ không được quá một phần hai mức phạt tiền mà điều luật quy định. Theo quy định tại Điều 68 BLHS thì khi QĐHP đối với NCTN phạm tội, ngoài việc phải tuân theo những quy định tại Chương XII của BLHS, Tòa án còn phải áp dụng những quy định khác của Phần Chung BLHS không trái với những quy định của Chương XII. Do đó, khi áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội thì mức phạt tiền đối với họ cũng không được thấp hơn một triệu đồng. Đồng thời, trong bản án Tòa án phải quyết định họ nộp một lần hoặc nhiều lần trong một thời hạn nhất định.

Ba là, hình phạt cải tạo không giam giữ

Cải tạo không giam giữ là hình phạt chính nặng hơn so với hình phạt cảnh cáo và hình phạt tiền, được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội, trong mọi trường hợp Tòa án không được khấu trừ thu nhập của họ như đối với người đã thành niên phạm tội. Cũng giống như mức hình phạt tiền, thời hạn cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với NCTN phạm tội không được quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội, ngoài việc phải áp dụng Điều 73 BLHS, Tòa án còn phải căn cứ vào Điều 31 BLHS nhưng không trái với quy định tại Điều 73 BLHS. Theo đó, hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng đối với NCTN phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi xã hội. Cũng như trường hợp người đã thành niên phạm tội, thời hạn cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với NCTN phạm tội tối thiểu không được thấp hơn 06 tháng. Nếu khi xét xử, NCTN phạm tội đã bị tạm giữ, tạm giam thì khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với họ, Tòa án phải trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo

không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Ví dụ: Đặng Văn Q (17 tuổi 2 tháng) đã bị tạm giam thời gian 02 tháng, nếu khi xét xử Tòa án xử phạt Q 12 tháng cải tạo không giam giữ, thì thời gian phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại của Q là 06 tháng [ $12 \text{ tháng} - (02 \text{ tháng} \times 3) = 06 \text{ tháng}$ ]. Khi xử phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội, Tòa án phải giao họ cho cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi họ thường trú để giám sát và giáo dục.

Bốn là, hình phạt tù có thời hạn

*“Tù có thời hạn về thực chất là giam người bị kết án ở các trại giam, tức là cách ly người đó ra khỏi môi trường xã hội bình thường trong một thời gian nhất định để giáo dục và cải tạo họ”* [15, tr.359-360]. Như vậy, so với các hình phạt khác thì hình phạt tù có thời hạn là hình phạt nghiêm khắc nhất mà Tòa án áp dụng đối với NCTN phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội, Tòa án nên cân nhắc kỹ xem có nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ hay không; bởi vì, hình phạt tù chỉ áp dụng đối với NCTN khi thấy không thể áp dụng được các loại hình phạt khác. Đây cũng là một trong những nguyên tắc QĐHP đối với NCTN phạm tội. Trong thực tiễn xét xử, Hội đồng xét xử ít chú ý đến nguyên tắc này nên thường áp dụng hình phạt tù hoặc cho hưởng án treo đối với bị cáo là NCTN mặc dù người phạm tội có đủ điều kiện được áp dụng các hình phạt khác còn lại theo quy định tại Điều 71 BLHS.

Theo quy định tại Điều 74 BLHS, khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội, bắt buộc Tòa án phải tuân thủ các quy định mang tính nguyên tắc sau đây:

Thứ 1: Đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được quá mười tám năm tù, nếu

là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Thứ 2: Đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Thứ 3: Theo quy định tại Điều 33 BLHS thì mức hình phạt tù tối thiểu được áp dụng đối với NCTN phạm tội không được thấp hơn 3 tháng. Khi xét xử, nếu NCTN phạm tội đã bị tạm giữ, tạm giam thì Tòa án phải trừ thời gian tạm giữ, tạm giam đó vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, theo đó cứ một ngày tạm giữ, tạm giam được tính bằng một ngày tù.

QĐHP là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (*khoản điều luật*) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội. [16, tr.42].

QĐHP đối với NCTN phạm tội là trường hợp đặc biệt của QĐHP. Tính chất đặc biệt của nó không chỉ ở chỗ cùng có các tình tiết tương tự nhau nhưng mức hình phạt được áp dụng đối với NCTN nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội, ngoài ra NCTN phạm tội còn có thể được áp dụng các biện pháp tư pháp mang tính giáo dục, phòng ngừa nếu xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với họ. Do đó, QĐHP đối với NCTN không chỉ đơn thuần là việc lựa chọn loại hình phạt, mức hình phạt cụ thể mà còn là việc lựa chọn các biện pháp tư pháp để áp dụng với họ trong trường hợp có thể.

Theo quy định tại Điều 74 BLHS, khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội, bắt buộc Tòa án phải tuân thủ các quy định mang tính nguyên tắc sau đây:

Thứ 1: Đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được quá mười tám năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Thứ 2: Đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Thứ 3: Theo quy định tại Điều 33 BLHS thì mức hình phạt tù tối thiểu được áp dụng đối với NCTN phạm tội không được thấp hơn 3 tháng. Khi xét xử, nếu NCTN phạm tội đã bị tạm giữ, tạm giam thì Tòa án phải trừ thời gian tạm giữ, tạm giam đó vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, theo đó cứ một ngày tạm giữ, tạm giam được tính bằng một ngày tù.

QĐHP là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (*khoản điều luật*) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội. [16, tr.42].

QĐHP đối với NCTN phạm tội là trường hợp đặc biệt của QĐHP. Tính chất đặc biệt của nó không chỉ ở chỗ cùng có các tình tiết tương tự nhau nhưng mức hình phạt được áp dụng đối với NCTN nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội, ngoài ra NCTN phạm tội còn có thể được áp dụng các biện pháp tư pháp mang tính giáo dục, phòng ngừa nếu xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với họ. Do đó, QĐHP đối với NCTN không chỉ đơn thuần là việc lựa chọn loại hình phạt, mức hình phạt cụ thể mà còn

là việc lựa chọn các biện pháp tư pháp để áp dụng với họ trong trường hợp có thể.

### ***1.2.2. Quy định của pháp luật hình sự về căn cứ quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội***

Cũng giống như trường hợp người đã thành niên phạm tội, khi QĐHP đối với NCTN phạm tội, Tòa án bắt buộc phải căn cứ vào Điều 45 BLHS quy định về “Căn cứ quyết định hình phạt”. Đó là, căn cứ vào quy định của BLHS; cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

- *Căn cứ vào quy định của BLHS*: Các quy định của BLHS bao gồm tất cả các quy định trong BLHS như quy định về lỗi, tình trạng không có năng lực TNHS, sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, quy định về các dấu hiệu pháp lý của tội phạm cụ thể ... [32, Tr2.40]. Như vậy, có thể hiểu rằng, khi QĐHP đối với NCTN phạm tội, Tòa án phải căn cứ vào quy định của BLHS, có nghĩa là phải căn cứ vào cả các quy định ở “Phần chung” và “Phần các tội phạm” của BLHS có liên quan đến tội phạm mà NCTN đã thực hiện. Việc QĐHP chỉ được đặt ra khi đã có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành một tội cụ thể nào đó mà BLHS quy định. Điều này đồng nghĩa với việc là phải định tội danh trước rồi sau đó mới QĐHP. Sau khi đã xác định được tội danh cụ thể đối với hành vi mà người chưa thành niên đã thực hiện (*xác định được điều luật cụ thể*), thì phải xác định hành vi đó thuộc điểm, khoản nào trong điều luật mà BLHS đã quy định. Trên cơ sở đó, đối chiếu với các quy định ở Phần chung và Phần các tội phạm của BLHS để xem xét những quy định có liên quan đến tội phạm mà NCTN đã thực hiện. Ví dụ: Sau khi đã xác định Nguyễn Văn A (16 tuổi 3 tháng) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS thì cần phải đối chiếu với Điều 8 của BLHS để xác định tội phạm mà A thực hiện là



tội phạm ít nghiêm trọng hay là tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng ...

Điểm khác biệt khi QĐHP đối với NCTN so với người đã thành niên ở chỗ, trước hết Tòa án phải căn cứ vào các quy định tại Chương X “Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội” của BLHS (từ Điều 68 đến Điều 77), đồng thời căn cứ vào những quy định khác của Phần chung của BLHS nhưng không trái với những quy định của Chương X.

Căn cứ vào các quy định của BLHS là một căn cứ quan trọng nhất, thể hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa khi QĐHP, QĐHP mà không căn cứ vào các quy định của BLHS sẽ làm cho bản chất của hình phạt thay đổi, mục đích của hình phạt không thực hiện được, dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật; bản án mà Tòa án tuyên chẳng những không đúng pháp luật mà còn không được dư luận đồng tình, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng khác. [7, Tr. 175].

- *Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Khi QĐHP đối với người phạm tội nói chung và đối với NCTN phạm tội nói riêng, Tòa án không chỉ dựa vào các quy định của BLHS mà còn phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà người phạm tội đã thực hiện. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã được nhà làm luật xác định để làm căn cứ phân loại tội phạm. Khoản 3 Điều 8 BLHS phân thành 4 loại tội phạm như sau: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng là căn cứ để xác định khung hình phạt đối với từng loại tội phạm được quy định trong BLHS. Có thể cùng một loại tội hoặc cùng một khung hình phạt trong cùng một điều luật nhưng do những tình tiết khác nhau nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng khác nhau.

Ví dụ: A và B cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS. Ngoài ra, A còn thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm c khoản 2 điều 138 BLHS. Do đó, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do A thực hiện nguy hiểm hơn so với hành vi phạm tội của B.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 BLHS thì những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm. Do đó, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội phụ thuộc vào tất cả các yếu tố cấu thành tội phạm như: phụ thuộc vào tính chất quan trọng của khách thể bị xâm phạm, vào hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, lỗi, mục đích, động cơ phạm tội... Tuy nhiên, khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để QĐHP, Tòa án chủ yếu cân nhắc các yếu tố thuộc về hành vi, hậu quả, lỗi, động cơ, mục đích, còn yếu tố thuộc về khách thể đã được nhà làm luật xác định để phân thành các loại tội phạm khác nhau được quy định ở các chương trong BLHS.

- *Nhân thân người phạm tội*: Nhân thân người phạm tội được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó. Đối với NCTN phạm tội, các yếu tố thuộc về nhân thân là căn cứ vô cùng quan trọng để Tòa án căn nhắc khi QĐHP. Những đặc điểm về nhân thân của họ được thể hiện trong lý lịch bị can và các tài liệu khác có liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, CQĐT, VKSND và Tòa án phải chứng minh những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo.

Nhân thân NCTN phạm tội bao gồm cả mặt tốt và cả mặt xấu. Trong một số trường hợp, có một số đặc điểm về nhân thân người phạm tội đã được quy định là yếu tố loại trừ TNHS, miễn hình phạt, định tội, định khung hình

phạt hoặc quy định là tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS. Do đó, khi QĐHP đối với NCTN phạm tội, Tòa án cần phân biệt từng trường hợp cụ thể. Cần phải cân nhắc đầy đủ các đặc điểm về nhân thân người phạm tội chưa quy định là yếu tố định tội, định khung hình phạt hoặc là tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS làm căn cứ QĐHP. Ví dụ: Khi xem xét nhân thân của Nguyễn Văn A thấy rằng mặc dù A chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nhưng hay có hành vi gây gổ đánh nhau gây mất trật tự công cộng, không có việc làm, thường xuyên tụ tập để ăn chơi... Còn khi xem xét nhân thân của Trần Văn B thấy rằng, B cũng chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào, có nhiều thành tích trong công tác được tặng nhiều giấy khen... Do vậy, khi cân nhắc nhân thân của A và B, cho thấy nhân thân của A xấu hơn nhân thân của B. Từ đó, việc QĐHP đối với A phải nặng hơn đối với B, nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau.

- *Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS*: Theo quy định tại Điều 45 BLHS thì các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS là một trong những căn cứ QĐHP. Vì vậy, khi QĐHP đối với NCTN phạm tội cũng giống như đối với người đã thành niên phạm tội, Tòa án phải cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 46 và 48 BLHS. Có thể nói, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS cũng là một trong các tình tiết để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Ngoài ra, có một số tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội. Tuy nhiên, Luật hình sự vẫn xem các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một căn cứ độc lập buộc Tòa án phải cân nhắc khi QĐHP.

Khi QĐHP, Tòa án có quyền tự xác định các tình tiết khác ngoài các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhưng đối với các tình tiết tăng nặng TNHS thì Tòa án không

được xem các tình tiết khác ngoài các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS là tình tiết tăng nặng TNHS. Đồng thời, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng được quy định là dấu hiệu, yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS trong khi QĐHP. Không phải tất cả các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại Điều 48 BLHS đều được áp dụng đối với tất cả những NCTN phạm tội. Ví dụ: Các tình tiết tăng nặng “*tái phạm, tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS không được áp dụng đối với NCTN phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, vì án đã tuyên đối với họ không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

### ***1.2.3. Quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể***

#### ***1.2.3.1. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội***

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là quyết định trong trường hợp bị cáo đã phạm từ hai tội trở lên mà các tội đó chưa được đưa ra xét xử và cũng chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội trong trường hợp này, Tòa án quyết định cho mỗi tội một hình phạt chính cũng như hình phạt bổ sung nếu có, sau đó Tòa án sẽ tổng hợp các hình phạt này theo quy định của BLHS. Khi quyết định hình phạt đối với từng tội, Tòa án phải tuân thủ các quy định chung về quyết định hình phạt, đồng thời khi tổng hợp hình phạt Tòa án phải tuân thủ các quy định đặc thù áp dụng riêng đối với trường hợp phạm nhiều tội.

Đối với NCTN phạm nhiều tội, khi tổng hợp hình phạt Tòa án áp dụng Điều 75 BLHS. Nội dung của điều luật này quy định đối với trường hợp NCTN phạm nhiều tội, trong đó có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, cụ thể:

- Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này, có nghĩa là đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì hình phạt không được quá 18 năm tù, còn đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì hình phạt không được quá 12 năm tù.

- Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội.

Để xác định tội nào nhẹ hơn, tội nào nặng hơn thì cần thực hiện theo thứ tự sau:

- Trước hết xem xét hình phạt chính đối với hai tội phạm, nếu tội nào điều luật có quy định loại hình phạt nặng nhất nặng hơn thì tội đó nặng hơn.

- Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội là tù có thời hạn (không quy định hình phạt tử hình, hình phạt tù chung thân) thì tội nào, điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất đối với tội ấy cao hơn là tội đó nặng hơn.

- Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều tử hình hoặc đều chung thân hoặc đều tù có thời hạn và mức hình phạt tù cao nhất đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật quy định mức hình phạt tù khởi điểm cao hơn là tội đó nặng hơn.

- Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù khởi điểm, mức hình phạt tù cao nhất như sau, thì tội nào điều luật có quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cảnh cáo) thì tội đó nhẹ hơn.

Nếu điều luật cùng quy định các loại hình phạt như nhau, nhưng có mức cao nhất, mức khởi điểm khác nhau thì tội nào có mức cao nhất của khung hình phạt cao nhất nặng hơn thì tội đó nặng hơn. Trong trường hợp

mức cao nhất của khung hình phạt cao nhất bằng nhau thì tội nào có mức khởi điểm thấp nhất của khung hình phạt nhẹ nhất cao hơn thì tội đó nặng hơn.

- Trong trường hợp điều luật quy định các loại hình phạt chính đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là tội đó nặng hơn. Nếu điều luật cùng quy định hình phạt bổ sung như nhau, nhưng đối với tội này thì hình phạt bổ sung là bắt buộc, còn đối với tội khác hình phạt bổ sung có thể áp dụng, thì tội nào điều luật quy định hình phạt bổ sung bắt buộc là tội đó nặng hơn.

#### *1.2.3.2. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt*

Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt là các giai đoạn trước của việc hoàn thành tội phạm. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện trong khi đó, người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt (Điều 17,18 BLHS).

Chính vì vậy, NCTN từ đủ 16 tuổi trở lên sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt như người đã thành niên khác. Còn người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi thì phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng và cũng chỉ phải chịu TNHS về hành vi phạm tội chưa đạt đối với tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Theo quy định của Điều 68 BLHS, NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương

X BLHS, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung BLHS mà không trái với những quy định của Chương này. Nghiên cứu các quy định tại Chương X dành riêng cho NCTN, không có quy định nào về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Do vậy, về nguyên tắc trong trường hợp NCTN thực hiện các hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt thì việc xác định trách nhiệm pháp lý và hình phạt đối với họ được dựa trên các quy định khác ở Phần chung của BLHS mà không trái với các quy định của Chương X, cụ thể là tại Điều 52 BLHS.

Theo Điều 52 BLHS, đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá 20 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định. Còn đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà hình phạt quy định.

Tuy nhiên, nếu áp dụng Điều 52 BLHS về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chưa đạt hoặc chuẩn bị phạm tội thì nếu họ bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì trong một số trường hợp mức độ TNHS của họ lại không được nhẹ hơn so với người đã thành niên. Đó là các trường hợp sau:

- Nếu NCTN phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có hành vi phạm tội chưa đạt bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo khoản 3 Điều 52 thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định. Tuy nhiên, Điều 74 quy định mức hình phạt giảm nhẹ áp dụng đối với tội phạm hoàn thành do NCTN thực hiện, có nghĩa là ngay cả khi họ đã hoàn thành tội phạm thì mức phạt tù đối với họ cũng không được quá 3/4

mức phạt tù mà điều luật quy định. Như vậy, cả khoản 3 Điều 52 và Điều 74 đều không chế hình phạt cao nhất ở mức giống nhau là “không quá 3/4 mức hình phạt tù mà điều luật quy định”. Còn nếu họ phạm tội chưa đạt thì họ vẫn có thể phải chịu mức hình phạt lên đến 3/4 mức phạt tù theo quy định tại khoản 3 Điều 52. Hay nói cách khác, người đã thành niên phạm tội chưa đạt thì được giảm nhẹ TNHS. Còn NCTN ở độ tuổi nói trên phạm tội chưa đạt thì không được hưởng mức giảm nhẹ TNHS so với TNHS khi họ đã hoàn thành tội phạm.

- Tương tự như đối với trường hợp NCTN phạm tội chưa đạt ở trên, đối với NCTN ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, hành vi của họ là chuẩn bị phạm tội thuộc trường hợp phải chịu TNHS và nếu họ bị áp dụng tù có thời hạn, họ cũng không được giảm nhẹ TNHS so với người đã thành niên phạm tội có các tình tiết khác nhưng tương đương bởi khoản 2 Điều 52 có quy định nội dung giảm nhẹ hình phạt giống với khoản 2 Điều 74 BLHS.

#### *1.2.3.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm*

Đồng phạm là hình thức thực hiện tội phạm do hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm, với các vai trò khác nhau, tính chất và mức độ tham gia khác nhau. Vì vậy, TNHS của những người đồng phạm là khác nhau. Khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, Tòa án căn cứ vào chế tài của quy phạm pháp luật quy định về tội phạm mà người thực hành thực hiện, đồng thời tuân thủ Điều 45 BLHS về căn cứ quyết định hình phạt và Điều 53 BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Theo quy định của Điều 53 BLHS, khi quyết định đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến các yếu tố sau:

- Tính chất của đồng phạm: Đó là xem xét đến quy mô, tính chất và mức độ nguy hại của vụ án có đồng phạm. Đồng phạm đó là giản đơn hay



phức tạp, đồng phạm có dự mưu hay không, có tổ chức hay đồng phạm thường...

- Tính chất và mức độ tham gia của từng người đồng phạm: Người đồng phạm tham gia thực hiện tội phạm với vai trò gì, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức hay người thực hành; ai là người chủ mưu, cầm đầu; người đồng phạm tham gia ở giai đoạn phạm tội nào.... Việc làm rõ những tình tiết này có ý nghĩa quan trọng đối với việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu các quy định trong BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm cho thấy các quy định này mới chỉ là các căn cứ và nguyên tắc chung của quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm mà chưa có quy định cụ thể về sự phân hóa TNHS giữa những người đồng phạm. Đặc biệt là việc quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN là một trong những người đồng phạm hoặc là những người đồng phạm đều là NCTN.

### **Kết luận chương 1**

QĐHP là hoạt động tư duy của Hội đồng xét xử, cụ thể là hoạt động tư duy của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân ngay sau khi xác định được tội danh đối với hành vi phạm tội của người bị kết án. QĐHP đối với NCTN phạm tội không chỉ là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể để áp dụng đối với họ là đủ. Bởi vì NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương với

nhiều thay đổi về tâm sinh lý. Do vậy, việc áp dụng hình phạt đối với họ chỉ trong trường hợp thật sự cần thiết. Qua nghiên cứu về những vấn đề lý luận về QĐHP đối với NCTN phạm tội, tác giả tập trung phân tích các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Trên cơ sở đó, đưa ra khái niệm, nguyên tắc và căn cứ QĐHP đối với NCTN phạm tội theo BLHS hiện hành. Đồng thời, tác giả còn nghiên cứu về các quy định của pháp luật hình sự về hình phạt, điều kiện áp dụng đối với NCTN phạm tội, quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt, làm tiền đề cho việc nghiên cứu về thực trạng áp dụng chế định này từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Từ đó đưa ra những bất cập của pháp luật hình sự về QĐHP ở Chương 2.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. Tổng quan kết quả quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng**

Trong thời gian 5 năm từ 2011 đến 2015, TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã thụ lý sơ thẩm vụ án hình sự tổng cộng 669 vụ/1226 bị cáo, đã đưa ra xét xử được 608 vụ/1140 bị cáo, đạt tỷ lệ chung là 90,88% số vụ án và 92,98% số bị cáo. Trong số những vụ án đưa ra xét xử có 64 vụ/97 bị cáo là NCTN. Nhìn chung, trong những năm gần đây số lượng vụ án và số bị cáo là NCTN bị đưa ra xét xử sơ thẩm trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không ổn định, số vụ án cũng như số bị cáo có sự tăng giảm thất thường, có lúc thì tăng, có lúc thì giảm. Bình quân số vụ án và số bị cáo là NCTN bị đưa ra xét xử sơ thẩm chiếm tỷ lệ tương đối cao trong tổng số vụ án và số bị cáo mà Tòa án quận Hải Châu đã đưa ra xét xử sơ thẩm từ năm 2011 đến năm 2015. Cụ thể chiếm tỷ lệ 10,52% số vụ án (64/608) và 8,5% số bị cáo (97/1140).

**Bảng 2.1. Tổng số vụ án có bị cáo là người chưa thành niên so với tổng số vụ án và bị cáo mà TAND quận Hải Châu đã xét xử (2011-2015)**

Năm	Tổng số vụ án, bị cáo		Tổng số vụ án, bị cáo là người chưa thành niên		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ án (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ án (3)	Số bị cáo (4)	(3)/(1)	(4)/(2)
<b>2011</b>	119	218	11	18	9,24%	8,2%
<b>2012</b>	120	223	13	20	10,8%	8,9%
<b>2013</b>	114	212	11	15	9,65%	7,07%
<b>2014</b>	125	229	14	23	11,2%	10,04%
<b>2015</b>	130	258	15	21	11,5%	8,14%
<b>Tổng</b>	608	1140	64	97	10,52%	8,5%

(Nguồn: TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng)

Trước khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội, Tòa án cần phải cân nhắc kỹ xem có nên áp dụng loại hình phạt này đối với họ hay không. Chỉ khi nào xét thấy không thể áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các hình phạt khác đối với NCTN phạm tội thì Tòa án mới nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ. Đây cũng là một nguyên tắc QDHP được quy định tại Điều 69 BLHS. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng rất ít chú ý đến nguyên tắc này. Điều này được chứng minh bằng việc, trong thời gian từ năm 2011 đến 2015, không có bị cáo là NCTN nào được áp dụng các biện pháp tư pháp quy định tại Điều 70 BLHS. Đồng thời, Tòa án cũng rất hạn chế áp dụng các hình phạt khác nhẹ hơn so với hình phạt tù có thời hạn, như: cảnh cáo (không có bị cáo nào), phạt tiền (không có bị cáo nào), cải tạo không giam giữ (2 bị cáo). Hơn nữa, số lượng bị cáo bị xử phạt tù cho hưởng án treo là 28/97 bị cáo, chiếm tỷ lệ 28,86 % so với bị cáo áp dụng hình phạt tù có thời hạn là 67/97, chiếm tỷ lệ 69,07%.

**Bảng 2.2. Các loại hình phạt mà TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã áp dụng đối với NCTN phạm tội (2011-2015)**

Năm	Tổng số bị cáo xét xử	Miễn trách nhiệm hình sự	Miễn hình phạt	Biện pháp tư pháp		Hình phạt				
				Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	Đưa vào trường giáo dưỡng	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù có thời hạn	
									Án treo	Tù giam
2011	18	0	0	0	0	0	0	0	5	13
2012	20	0	0	0	0	0	0	1	7	12
2013	15	0	0	0	0	0	0	0	4	11
2014	23	0	0	0	0	0	0	0	7	16
2015	21	0	0	0	0	0	0	1	5	15
<b>Tổng</b>	<b>97</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>67</b>

(Nguồn: TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng)

**Bảng 2.3. Các mức hình phạt mà TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng áp dụng đối với NCTN phạm tội (2011-2015)**

Năm	Tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn	Án treo	Tù giam		
			Tù 3 năm trở xuống	Tù trên 3 năm đến 7 năm	Tù trên 7 năm đến 15 năm
<b>2011</b>	18	5	8	5	0
<b>2012</b>	19	7	8	4	0
<b>2013</b>	15	4	6	4	1
<b>2014</b>	23	7	10	6	0
<b>2015</b>	20	5	10	5	0
<b>Tổng</b>	<b>95</b>	<b>28</b>	<b>42</b>	<b>24</b>	<b>1</b>

(Nguồn: TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng)

*Tình hình áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội:*

- Quán triệt tinh thần nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTN phạm tội, trong những năm qua, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã có những chuyển biến tích cực trong việc xét xử các vụ án NCTN phạm tội. 100% số bị cáo là NCTN bị xét xử không buộc phải chịu hình phạt bổ sung, đối với việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là NCTN cho thấy, nhìn chung, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bao giờ cũng quyết định trên cơ sở xem xét nhiều khía cạnh như: nhân thân, hoàn cảnh của người phạm tội, nguyên nhân dẫn đến việc người chưa thành niên thực hiện tội phạm, ý kiến của gia đình, nhà trường, tổ chức để tìm ra một phương thức cải tạo kết hợp với giáo dục tối ưu nhất để áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo sao cho phù hợp nhất, chính vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thường áp dụng phương thức tuyên hình phạt tù có thời hạn vừa đủ để cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện và cho bị cáo được hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập, làm ăn sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình nơi người đó làm việc, công tác, học tập hoặc cư trú.

- Trong mấy năm qua, hình phạt tù luôn là hình phạt được áp dụng nhiều nhất, chiếm đại đa số các bản án. Song rõ ràng là, một con số hình phạt tù quá cao như vậy, có thể đặt ra cho chúng ta câu hỏi về nhận thức của cán bộ xét xử về các nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội, mục đích của việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTN...

- Về hình phạt cảnh cáo và cải tạo không giam giữ: Đây là những hình phạt được áp dụng cho những người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Qua tổng kết thực tiễn cho thấy rất hiếm trường hợp Tòa án áp

dụng các hình phạt này đối với NCTN. Tòa án chỉ áp dụng các hình phạt này đối với họ khi vụ án có nhiều bị cáo và nhiều lý do không thể tách riêng họ ra để xử lý, còn đối với những vụ án mà chỉ có NCTN là bị cáo thì Tòa án thường ra quyết định đình chỉ vụ án và trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý nhẹ hơn (nếu thấy cần thiết) hoặc miễn truy cứu TNHS.

- Về các biện pháp tư pháp:

Qua thực tế xét xử cho thấy, việc áp dụng các biện pháp này còn quá ít, rất hiếm có bản án được Tòa án áp dụng biện pháp này. Thực tiễn này là do hai nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng và giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định trong BLHS cũng là các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Pháp lệnh xử lý hành chính. Do vậy, trong quá trình điều tra, truy tố vụ án, nếu xét thấy không cần thiết phải đưa ra xét xử tại Tòa án, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã chuyển vụ án cho cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng biện pháp hành chính cho nên số vụ án được chuyển cho Tòa án xét xử thường là những vụ nghiêm trọng mà biện pháp tư pháp nói trên không đủ hiệu lực và hiệu quả răn đe, giáo dục;

Hai là, do chưa có một cơ chế hợp lý để đảm bảo cho việc thực thi các biện pháp này trong thực tế nên hiệu quả giáo dục và phòng ngừa còn rất hạn chế. Giữa Tòa án với Ủy ban nhân dân địa phương, nhà trường, tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát và giáo dục chưa có sự phối hợp đồng bộ. Nhiều khi việc tuyên án của Tòa án chỉ trong bản án chưa được Ủy ban nhân dân địa phương, nhà trường, tổ chức xã hội thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không thường xuyên, không đều đặn, có chăng chỉ được thực hiện ở thời gian đầu. Mặt khác, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Tòa án và cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, nơi có trách nhiệm giám sát, giáo dục NCTN phạm tội.

## **2.2. Những vi phạm, sai lầm trong quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và nguyên nhân**

### **2.2.1. Những vi phạm, sai lầm**

Trong 5 năm (2011-2015), nhìn chung các vụ án xét xử đối với NCTN phạm tội trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho thấy chất lượng xét xử của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tương đối tốt. Đa số các bản án đã xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp để xảy ra sai sót trong quá trình xét xử, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trong áp dụng pháp luật hình sự, làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng, chống tội phạm và mục đích của hình phạt chưa đạt như mong muốn.

Thực tiễn xét xử cho thấy một số vi phạm, sai lầm chủ yếu của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thường xảy ra tập trung ở các vấn đề sau:

#### **2.2.1.1. Áp dụng không đúng, không đầy đủ các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt**

TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội đều áp dụng nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội quy định tại Điều 69 của BLHS. Mặc dù có áp dụng nhưng một số trường hợp khi QĐHP không phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, chưa đánh giá hết đặc điểm nhân thân của bị cáo dẫn đến mức hình phạt còn nghiêm khắc.

*Ví dụ 1:* Tại Bản án số 13/2011/HSST ngày 15/11/2010 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Minh Dương về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng Tòa án không áp dụng



Điều 69, Điều 74 BLHS đối với bị cáo là thiếu sót, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bị cáo khi quyết định hình phạt.

*Ví dụ 2:* Tại Bản án số 35/2011/HSST ngày 15/6/2011 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo Võ Văn Vy về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS với mức hình phạt 27 tháng tù. Trong vụ án này, khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 5 tháng, bị cáo cùng bị cáo khác có hành vi dùng xe máy cướp giật 01 điện thoại di động có giá trị là 1.400.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS và không có tình tiết tăng nặng TNHS, đang đi học nhưng TAND quận Hải Châu xử phạt bị cáo 27 tháng tù giam là nặng và nghiêm khắc; trong khi đó pháp luật quy định chỉ áp dụng hình phạt tù giam trong trường hợp cần thiết, phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

#### *2.2.1.2. Các hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội chưa chính xác*

Trong thực tiễn xét xử, khi QĐHP đối với NCTN phạm tội Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng hay áp dụng hình phạt tù có thời hạn; còn các loại hình phạt khác như: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hầu như không được áp dụng trong khi người phạm tội có đủ điều kiện được áp dụng các hình phạt này để thay thế cho hình phạt tù. Thực tiễn cho thấy Hội đồng xét xử vẫn còn dè chừng, chưa mạnh dạn áp dụng các hình phạt khác không phải là hình phạt tù. Bởi lẽ hầu hết trong các trường hợp, Hội đồng xét xử cho rằng không xử phạt bị cáo bằng hình thức phạt tù là xử nhẹ, chưa đáp ứng được tình hình chính trị tại địa phương và thậm chí sự dư luận của xã hội; hơn nữa nếu trường hợp đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không đề nghị mà HĐXX áp dụng thì bản án đã tuyên sẽ bị kháng nghị phúc

thẩm, dẫn đến tâm lý sợ án bị sửa, bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán, làm ảnh hưởng đến trách nhiệm cá nhân và thành tích... Một nguyên nhân nữa là khoảng cách mà điều luật quy định giữa hình phạt khác và hình phạt tù cách xa nên đa số các bản án sơ thẩm đã QĐHP tù có thời hạn mà bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nếu có căn cứ thì Tòa án cấp phúc thẩm thường cũng chỉ sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng Điều 47 BLHS giảm nhẹ hình phạt hoặc giữ nguyên mức hình phạt áp dụng thêm Điều 60 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo chứ không chuyển sang áp dụng các hình phạt khác.

*Ví dụ 1:* Bản án số 42/2012/HSST ngày 13/7/2012 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đức (17 tuổi 4 tháng) 18 tháng tù về tội “Vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 BLHS. Trong vụ án này, bị cáo Đức chưa đủ tuổi điều khiển xe mô tô, không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng bị cáo vẫn tự ý lấy xe mô tô của chị gái chở em Nguyễn Thảo Nhi, khi chạy vào đường cong, dốc và mặt đường lồi sâu, bị cáo không giảm tốc độ nên bánh trước của xe rơi vào vị trí lồi của lòng đường làm xe ngã xuống gây tai nạn, hậu quả em Nguyễn Thảo Nhi bị thương tích với tỷ lệ 97%. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại bản án phúc thẩm số 142/2012/HSPT ngày 16/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho rằng bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo chưa thành niên; giữa bị cáo và người bị hại là bạn của nhau; bị cáo phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng và hiện là học sinh; sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; cha đẻ bị cáo là thương binh và được tặng thưởng Huân, Huy chương, do đó Tòa án cấp phúc thẩm đã sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đức 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng.

*Ví dụ 2:* Tại bản án số 62/2013/HSST ngày 31/8/2013, TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Hậu (17 tuổi 9 tháng) 9 tháng tù cùng các bị cáo là người thành niên Trần Quốc Linh, Phạm Văn Dũng mỗi bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS với nội dung bị cáo Linh cùng với các bị cáo Dũng và bị cáo Hậu lén lút trộm 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba có trị giá là 4.800.000 đ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Qua vụ án trên thấy rằng, quyết định hình phạt đối với bị cáo Hậu là hơi nghiêm khắc bởi lẽ trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hậu chỉ có vai trò cảnh giới, bị cáo Linh và Dũng mới là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Hậu lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của địa phương, cha bị liệt nằm một chỗ; sau khi phạm tội, bị cáo Hậu đã khai báo thành khẩn và tác động gia đình nộp tiền để khắc phục hậu quả. Do đó, tại bản án phúc thẩm số 222/2013/HSPT ngày 16/11/2013, TAND thành phố Đà Nẵng đã sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Hậu 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

#### *2.2.1.3. Áp dụng điểm, khoản, điều luật đối với người chưa thành niên phạm tội chưa đúng*

Trong những năm gần đây, TAND quận Hải Châu khi xét xử các vụ án hình sự nói chung không có án bị oan sai, không bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử vẫn còn một số trường hợp xác định tội danh không đúng hoặc xác định điểm, khoản, điều luật, các tình tiết định khung hình phạt chưa phù hợp, xác định giai đoạn thực hiện hành vi phạm tội chưa chính xác dẫn đến quyết định hình phạt chưa đúng.

*Ví dụ 1:* Ngày 28/10/2014 TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo Nguyễn Thanh Khánh và đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS. Tại bản án số 54/2014/HSST xử phạt bị

cáo Nguyễn Thanh Khánh 07 năm tù. Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Thanh Khánh cùng đồng phạm đã tổ chức thực hiện 22 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 281.750.000 đ, trong đó bị cáo Khánh tham gia thực hiện 17 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 217.905.000 đ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Khánh đã kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại bản án 181/2014/HSPT của TAND thành phố Đà Nẵng cho rằng trong 05 vụ trộm cắp đầu tiên, bị cáo tham gia thực hiện tội phạm khi chưa đủ tuổi thành niên, cấp sơ thẩm đã không áp dụng Điều 69; Điều 74 BLHS đối với bị cáo Khánh là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo Khánh cũng không chính xác, vì đã tính tổng giá trị tài sản trong tất cả các lần bị cáo tham gia phạm tội để định khung hình phạt đối với bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS nên không thể áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo nữa. Do đó, cấp phúc thẩm đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh Khánh, sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Khánh 06 năm tù.

*2.2.1.4. Không cho hoặc cho hưởng án treo đối với người chưa thành niên phạm tội không đúng*

Trong thực tiễn xét xử của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ngoài hình phạt tù có thời hạn thì án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện được Tòa án áp dụng đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp cho hưởng án treo không đúng pháp luật hoặc các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo hoặc các hình phạt khác nhưng Tòa án ít áp dụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và mục đích của hình phạt.

*Ví dụ 1:* Do mâu thuẫn giữa hai nhóm bạn, Lương Tấn Anh (16 tuổi 10 tháng) có hành vi dùng tay và cây đánh người bị hại Nguyễn Văn Đức gây

thương tích 12%. Tại bản án số 21/2012/HSST ngày 04/6/2012 TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt bị cáo Anh 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 BLHS.

Quan điểm của tác giả khi nghiên cứu nội dung vụ án thấy rằng, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, thiệt hại đối với người bị hại đã được bồi thường và người bị hại xin giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Do vậy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nhưng Tòa án không áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp.

*Ví dụ 2:* Bị cáo Võ Phước Thiện (là người đã thành niên) cùng với các bị cáo Nguyễn Văn Sang, Trần Tấn Hoàng là NCTN đã bàn bạc, phân công và sử dụng mã tấu nhiều lần chặn xe người đi đường để cướp tài sản. Nếu người nào không dừng xe thì các bị cáo sẵn sàng đuổi theo chém gây thương tích để chiếm đoạt tài sản. Với các tình tiết nêu trên, tại bản án số 27/2011/HSST ngày 26/8/2011, TAND quận Hải Châu xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS và áp dụng Điều 60 BLHS xử phạt các bị cáo Sang và Hoàng mỗi bị cáo 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo.

Qua vụ án trên thấy rằng, mặc dù các bị cáo Sang và Hoàng là NCTN nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có nhiều tình tiết định khung tăng nặng như phạm tội có tổ chức, hơn nữa các bị cáo rất liều lĩnh, hung hãn. Do vậy, TAND quận Hải Châu chưa đánh giá tính chất của vụ án một cách toàn diện nên cho các bị cáo Hoàng và Sang được hưởng án treo là thiếu tính giáo dục, không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, chưa thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

### ***2.2.2. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm***

Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm kể trên một phần là do các nguyên nhân chính như sau:

*Thứ nhất*, Quy định của pháp luật hình sự chưa đầy đủ.

- Về tuổi chịu TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 12 BLHS:

Khoản 1 Điều 12 BLHS quy định: “Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm” [23, tr. 53-54]. Theo quy định này thì NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu TNHS về mọi tội phạm được quy định trong “Phần các tội phạm” của BLHS. Tuy nhiên, trong “Phần các tội phạm” của BLHS có một số tội quy định chủ thể của tội phạm là người đã thành niên (tức là bắt buộc người thực hiện hành vi phạm tội phải từ đủ 18 tuổi trở lên), như: Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115) hay Tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116). Điều này chứng tỏ rằng khoản 1 Điều 12 BLHS quy định như vậy là không phù hợp với Phần các tội phạm của BLHS; do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Chủ trương hiện nay của Nhà nước ta là tiết kiệm cưỡng chế hình sự, tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do, đặc biệt là đối với NCTN phạm tội thì càng phải hạn chế áp dụng hình phạt tù - loại hình phạt có tính cưỡng chế cao nhất và là hình phạt tước tự do duy nhất được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, trong hệ thống hình phạt ở Việt Nam hiện nay thì sự cách biệt về mức độ nghiêm khắc giữa hình phạt tù có thời hạn và cải tạo không giam giữ là khá lớn. Có những trường hợp khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì quá nghiêm khắc đối với NCTN phạm tội, còn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì lại không đủ nghiêm khắc để răn đe, giáo dục hoặc không đủ điều kiện để áp dụng như NCTN không có nơi cư trú rõ ràng.

- BLHS cũng chưa quy định trong trường hợp phạm nhiều tội, nếu NCTN đều bị tuyên cải tạo không giam giữ đối với các tội, thì tổng hợp như thế nào, mà chỉ mới quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội và đều bị tuyên phạt tù.

- BLHS mới chỉ quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN

phạm nhiều tội, mà chưa quy định trường hợp tổng hợp hình phạt khi NCTN có nhiều bản án.

*Thứ hai, Về năng lực của đội ngũ cán bộ xét xử.*

Hiện nay, trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm trong công tác của một số bộ phận, cán bộ, công chức của Tòa án còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác xét xử và cải cách tư pháp, thậm chí một số cán bộ, thẩm phán năng lực yếu nên không hoàn thành nhiệm vụ, có trường hợp sa sút về phẩm chất đạo đức và lối sống, tham nhũng, tiêu cực.

Đối với đội ngũ Hội thẩm Tòa án, thực trạng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng là vấn đề đáng được quan tâm. Hiện nay, mặc dù chưa có một số liệu thống kê cụ thể, nhưng thực tiễn cho thấy đa số Hội thẩm Tòa án không qua đào tạo khoa học pháp lý và nghiệp vụ xét xử mà phần lớn trong số họ làm việc trong những ngành nghề chuyên môn nghiệp vụ khác (đối với các vụ án NCTN phạm tội, Hội thẩm Tòa án thường là giáo viên hoặc cán bộ đoàn). Việc tham gia xét xử của họ như là một trách nhiệm phải làm thêm, tiêu chuẩn chế độ rất hạn hẹp. Các điều kiện tiêu chuẩn chuyên môn, học vấn của Hội thẩm Tòa án chưa được quy định cụ thể. Thông thường ngay sau khi bắt đầu nhiệm kỳ mới ngành Tòa án có tổ chức tập huấn cho Hội thẩm được bầu, sau đó có tập huấn định kỳ. Song thực tế cho thấy điều kiện tham gia của Hội thẩm nhân dân rất hạn hẹp, các văn bản pháp luật mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều, thời gian thì có hạn do đó kết quả thu được rất hạn chế, trong khi đó điều kiện cập nhật thông tin, tự trang bị kiến thức pháp lý cho mình rất khó khăn và khó thực hiện được. Vì vậy, khi tham gia xét xử Hội thẩm nhân dân gặp nhiều khó khăn trong việc phân tích đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật làm ảnh hưởng đến chất lượng xét xử.

*Thứ ba, Công tác tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống*

nhất pháp luật trong toàn ngành Tòa án cho dù có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn xét xử trong giai đoạn hiện nay. Nhiều quy định mới trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác xét xử còn chậm hoặc chưa được hướng dẫn kịp thời. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn các văn bản pháp luật mới cho cán bộ, thẩm phán và Hội thẩm nhân dân chưa đáp ứng đầy đủ đòi hỏi của tình hình mới nên ảnh hưởng đến chất lượng của công tác xét xử.

*Thứ tư*, Xét xử các vụ án có NCTN phạm tội là một trong những loại án phức tạp bởi việc khai thác các tình tiết liên quan đến vụ án nhằm xác định tội danh cũng như quyết định hình phạt đối với họ luôn khó hơn so với những vụ án do người đã thành niên thực hiện. NCTN thường có tâm lý không ổn định, dễ rơi vào trạng thái buông xuôi, bất cần hoặc hoảng sợ. Do vậy, những người làm công tác xét xử những vụ án do NCTN thực hiện ngoài trình độ chuyên môn nghiệp vụ xét xử, còn phải là người hiểu biết cần thiết về tâm lý học, về khóa học giáo dục, cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm NCTN. Đồng thời, khi xét xử, trong thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trên thực tế cùng một Hội đồng xét xử trong một khoảng thời gian liên tục phải xét xử nhiều vụ án khác nhau, trong đó có vụ án có bị cáo là NCTN, có vụ án không có... nên trong nhiều trường hợp thành phần Hội đồng xét xử không đảm bảo theo quy định của pháp luật.

*Thứ năm*, Ngoài ra, trên thực tế vẫn còn có thẩm phán có định kiến với NCTN phạm tội, coi họ là đối tượng “ngoại lai” của xã hội, là phần tử xấu cần phải trừng trị, do vậy hình phạt áp dụng đối với NCTN thường có xu hướng nặng. Mặc dù, có thể bản án và hình phạt của họ áp dụng đối với NCTN phạm tội là không sai, nhưng rõ ràng là chưa coi trọng đúng mức mục đích giáo dục của việc xử lý và áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội. Thực tiễn cho thấy, lòng nhân đạo và bao dung có sức cảm hóa mạnh mẽ, nhưng những cái



đó chỉ có thể có được ở những người có trình độ hiểu biết về NCTN. Hay nói một cách khác phải có kiến thức cần thiết để biết đặt mình vào vị trí của các em, hiểu các em thì qua đó mới ra được một bản án và hình phạt “vừa đạt lý, vừa thấu tình”.

*Thứ sáu*, Vẫn có sự vi phạm nguyên tắc độc lập xét xử.

Thực tế vẫn có tình trạng Tòa án cấp dưới đã không căn cứ vào các quy định của pháp luật cũng như những gì diễn ra tại phiên tòa để ra phán quyết đối với một vụ án cụ thể mà lại căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Tòa án cấp trên, dưới hình thức trao đổi nghiệp vụ để ra phán quyết. Ngoài ra còn có tình trạng can thiệp trái pháp luật của các cơ quan không có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn liên quan đến hoạt động xét xử của Tòa án, có thể là Ủy ban nhân dân hoặc một cơ quan Đảng. Mục đích của việc can thiệp rõ ràng là không liên quan đến vấn đề chuyên môn mà phải là một mục đích khác. Chính vì vậy, cần thiết phải có những biện pháp quyết liệt để ngăn chặn tình trạng vi phạm nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án.

## **Kết luận chương 2**

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự khi QĐHP đối với NCTN phạm tội của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được thì việc áp dụng chế tài đối với NCTN phạm tội vẫn còn áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất đối với họ là hình phạt tù có thời hạn, ít áp dụng các chế tài khác mà pháp luật hình sự quy định, việc áp dụng pháp luật hình sự để QĐHP trong thời gian qua đôi lúc chưa đạt được kết quả như mong muốn. Từ việc nghiên cứu thực tiễn QĐHP đối với NCTN phạm tội tại địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, tác giả đã tìm hiểu những vụ án thực tế và đưa ra được nhưng thiếu sót, tồn tại. Qua đó, tác giả cũng đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trên làm cơ sở để đề ra những giải pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả khi QĐHP đối với NCTN phạm tội.

## **CHƯƠNG 3**

# **CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI**

### **3.1. Các yêu cầu bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội**

#### ***3.1.1. Yêu cầu pháp chế xã hội chủ nghĩa***

Pháp chế xã hội chủ nghĩa là phương tiện quan trọng điều chỉnh quan hệ xã hội theo các định hướng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia, chúng có khả năng bảo vệ, bảo đảm thể chế chính trị, chế độ kinh tế văn hóa, xã hội và quyền tự do, lợi ích hợp pháp của công dân, của tổ chức. Tuy nhiên, pháp luật dù có hoàn thiện đến đâu cũng chỉ mới là khả năng, tiền đề cần thiết, làm cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội. Chỉ khi nào có sự tuân thủ và thực hiện đúng đắn, nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của các chủ thể pháp luật thì xã hội mới có pháp chế và trật tự pháp luật. Vậy, pháp chế chính là sự đòi hỏi, yêu cầu các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân phải tuân thủ và thực hiện đúng đắn, nghiêm chỉnh pháp luật trong hoạt động của mình.

Những yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa:

- Bảo đảm tính thống nhất trong việc xây dựng, ban hành pháp luật và thực hiện pháp luật.

- Các cơ quan Nhà nước và viên chức, công chức Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể nhân dân, mọi công dân có nghĩa vụ thực hiện pháp luật

- Bảo đảm và bảo vệ quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của công dân

- Ngăn chặn kịp thời và xử lý công minh mọi vi phạm pháp luật

### ***3.1.2. Yêu cầu bảo vệ quyền của người dưới 18 tuổi***

Ở Việt Nam, bảo đảm quyền của người chưa thành niên phạm tội là bảo đảm cho những quy định của pháp luật về người được thực hiện trên thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế; đồng thời bảo vệ quyền của người chưa thành niên phạm tội khi có sự xâm hại, sự vi phạm quyền của các em từ các cơ quan, các chủ thể thực hiện việc xem xét, xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Pháp luật tuy là yếu tố quan trọng không thể thiếu, nhưng không phải là yếu tố duy nhất bảo đảm cho các em được hưởng thụ các quyền, cũng như bảo đảm cho các em không bị tước mất quyền của mình trong hoàn cảnh đối mặt với pháp luật và là đối tượng xem xét của pháp luật. Trên cơ sở nêu trên, hệ thống tư pháp người chưa thành niên ở Việt Nam đã được quan tâm nghiên cứu và ngày càng hoàn thiện. Việc bảo đảm quyền của người chưa thành niên phạm tội phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa hiện có của Việt Nam. Sự phù hợp này thể hiện trên cả hai phương diện đó là xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật.

Do đặc điểm của người chưa thành niên mà pháp luật nước ta cũng đã quy định nguyên tắc khi xử lý người chưa thành niên phạm tội nhằm bảo đảm “tính đặc biệt” của nhóm đối tượng này như sau: Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên các cơ quan có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm.

Các quy định trong pháp luật nước ta đề cao việc giáo dục, giúp đỡ

người chưa thành niên phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội là mục đích chủ yếu. Mọi biện pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định trong pháp luật nước ta đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh và tương xứng với tính chất và mức độ vi phạm của người chưa thành niên. Việc buộc người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình là nhằm mục đích để các em nhận thức sâu sắc rằng hành vi phạm tội của các em đã vi phạm các chuẩn mực và quy tắc của nhà nước, của xã hội. Tuy nhiên, biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên được ghi nhận trong Bộ luật Hình sự được xem xét không chỉ đơn thuần dựa vào tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi cũng như hậu quả do hành vi đó gây ra, mà còn tính đến hoàn cảnh riêng của các em, bởi vì mục đích của hình phạt và việc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên không phải chỉ là để trừng phạt người vi phạm, mà còn nhằm hỗ trợ người vi phạm phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Việc xét xử người chưa thành niên chỉ đặt ra trong những trường hợp thật cần thiết, nếu có phải áp dụng hình phạt đối với các em thì cũng lấy mục đích giáo dục, cải tạo là chủ yếu, không để hình ảnh của pháp luật tồn tại trong tâm trí các em quá sợ hãi hoặc quá khắt khe, dễ gây ra sự bất mãn, lòng thù hận.

Tất cả người chưa thành niên phạm tội đều có quyền được bảo vệ và đối xử bình đẳng, không bị phân biệt dưới bất kỳ hình thức nào cho dù các em hoặc cha mẹ các em thuộc tôn giáo, quốc tịch, dân tộc hoặc nguồn gốc xã hội, tài sản, khuyết tật, dòng dõi, hay có chính kiến hoặc quan điểm khác nhau, hoặc các tiêu chí khác. Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự ghi nhận rõ các nguyên tắc, trong đó có nguyên tắc không phân biệt đối xử khi giải quyết vụ án. Đồng thời, cũng quy định các chế tài áp dụng riêng đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lý của lứa tuổi và bảo vệ khỏi sự vi phạm từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng. Người chưa

thành niên thuộc nhóm đối tượng đặc biệt có các quyền cụ thể phải được tôn trọng ở mọi giai đoạn trong quá trình tố tụng. Do các em chưa trưởng thành, và dễ bị tổn thương nên pháp luật nước ta đã quy định hệ thống các quyền riêng phù hợp với lứa tuổi chưa trưởng thành của người chưa thành niên; đồng thời đặt ra các yêu cầu đối với người tham gia giải quyết vụ án có người chưa thành niên phạm tội đều phải tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật. Người chưa thành niên có quyền được bảo vệ ở mọi giai đoạn tố tụng nhằm đảm bảo cho các em được đối xử công bằng và các quyền của các em được tôn trọng đầy đủ.

### ***3.1.3. Yêu cầu cải cách tư pháp***

Kể từ Đại hội lần thứ VI (năm 1986) của Đảng ta, chủ trương đổi mới toàn diện đất nước được đặt ra và triển khai. Cải cách tư pháp là một đòi hỏi khách quan, cấp thiết và mang tính quy luật để có thể thích ứng với những đổi mới về văn hóa, kinh tế, xã hội, hệ thống chính trị; v.v... Do đó, vấn đề này đã chính thức được đặt ra tại các Đại hội sau đó của Đảng, đồng thời đã được đánh dấu và ghi nhận trong các Nghị quyết 8 Trung ương khóa VII, Nghị quyết 3 và 7 Trung ương khóa VIII và đặc biệt là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*” và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”.

Như vậy, có thể nói, trong những năm vừa qua, bên cạnh các kết quả đạt được, tiến trình cải cách tư pháp vẫn còn chậm so với yêu cầu của thực tiễn, còn thiếu sự quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và cơ sở vật chất. Chính sách hình sự, các chế định pháp luật dân sự có nhiều thay đổi nhưng vẫn còn bất cập, chưa theo kịp quá trình đổi mới của xã hội. Hoạt động của cơ quan tư pháp và bộ trợ tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, chưa bắt kịp và phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, vẫn còn

tồn tại tình trạng bỏ lọt tội phạm, oan, sai trong việc điều tra, oan, sai trong truy tố và xét xử, khiếu nại, tố cáo các công chức vi phạm pháp luật vẫn còn nhiều, thi hành án dân sự vẫn chưa chuyển biến đáng kể. Còn một bộ phận đội ngũ cán bộ tư pháp vẫn thiếu và yếu, sa sút về phẩm chất đạo đức. Vì vậy, với yêu cầu phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020* xác định: *Mục tiêu của cải cách tư pháp* là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử của Tòa án được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Do đó, các nội dung cụ thể thực hiện để cải cách tư pháp là:

*Một là*, cải cách tư pháp cần phải được tiến hành tổng thể trong việc cải cách bộ máy nhà nước, cũng như trong mối liên hệ mật thiết và đồng bộ với cải cách hành chính. Quá trình cải cách đó không thể tách rời việc đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

*Hai là*, cải cách tư pháp phải hướng tới việc thực hiện đầy đủ các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động tư pháp như: mỗi cơ quan thực hiện từng khâu của tiến trình tố tụng phải chịu trách nhiệm độc lập về kết luận của mình; bảo đảm tính khách quan của việc xét xử hai cấp; thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử; mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; quyền bào chữa của bị can, bị cáo được bảo đảm; nhân dân tham gia, kiểm tra và giám sát hoạt động tư pháp, không bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội; v.v...

*Ba là*, cần thực hiện tốt và nghiêm túc các nhiệm vụ cải cách tư pháp, đó là hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ

chức, bộ máy các cơ quan tư pháp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân; hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch vững mạnh; hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp; tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp; bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp và hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp.

#### ***3.1.4. Yêu cầu của công tác phòng ngừa tội phạm***

Phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên, lâu dài của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước, do các cơ quan bảo vệ pháp luật và lực lượng chuyên trách làm nòng cốt.

Chiến lược phòng, chống tội phạm là một nội dung quan trọng, bộ phận cấu thành của Chiến lược phát triển đất nước, phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tạo môi trường xã hội ổn định, lành mạnh phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại của đất nước.

Sử dụng đồng bộ các biện pháp chính trị, tổ chức - hành chính, kinh tế - xã hội, pháp luật, nghiệp vụ, vũ trang, ngoại giao để phòng, chống tội phạm. Kết hợp giữa phòng ngừa và đấu tranh trấn áp, lấy phòng ngừa làm chính. Coi trọng hoạt động phòng ngừa xã hội, phòng ngừa tội phạm từ gia đình và cơ sở. Huy động sức mạnh của hệ thống chính trị và sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Mục tiêu của công tác phòng ngừa tội phạm:

Khắc phục một bước căn bản, vững chắc nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, tồn tại, phát triển của các loại tội phạm, trước hết là các nguyên

nhân, điều kiện do những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội; kiềm chế sự gia tăng của một số loại tội nguy hiểm, từng bước làm giảm tình hình tội phạm, trước hết trên các tuyến, ở các địa bàn trọng điểm.

Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống tội phạm, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, huy động mọi nguồn lực xã hội vào công tác phòng, chống tội phạm.

Nâng cao một bước căn bản năng lực hoạt động của lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm, đủ sức đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

### **3.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội**

#### ***3.2.1. Bảo đảm thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội***

Chương XII của BLHS 2015 gồm 18 điều (từ Điều 90 đến Điều 107 BLHS 2015 ) chia 5 mục, quy định những nội dung liên quan đến chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, cụ thể như sau:

Mục A. Quy định chung về xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, gồm 02 điều luật (Điều 90 và Điều 91);

Mục B. Các biện pháp thay thế xử lý hình sự, gồm 04 điều luật (từ Điều 92 đến Điều 95);

Mục C. Các biện pháp tư pháp, gồm 02 điều luật (từ Điều 96 đến Điều 97);

Mục D. Hình phạt, gồm 04 điều luật (từ Điều 98 đến Điều 101);

Mục Đ. Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích, gồm 06 điều luật (từ Điều 102 đến Điều 107).

Chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại một số điều của phần Chung và Chương XII của Bộ luật hình sự 2015. Những điểm sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến người chưa



thành niên phạm tội tập trung vào 05 nội dung có bản sau: (1) tiếp tục hoàn thiện quy định về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội; (2) hoàn thiện quy định về phạm vi trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; (3) hoàn thiện hệ thống chế tài đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng tăng cường khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do; (4) bổ sung các chế định pháp lý về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại; (5) hoàn thiện quy định về xoá án tích đối với người chưa thành niên bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các em tái hoà nhập cộng đồng.

*Một là: Hoàn thiện các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội:*

Điều 69 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định những nguyên tắc chung trong việc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Đây là những nguyên tắc quan trọng có tính định hướng cho việc xây dựng các điều luật khác tại Chương X- Các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, đồng thời đóng vai trò kim chỉ nam cho cơ quan và người tiến hành tố tụng trong việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử lý người chưa thành niên phạm tội. Việc sửa đổi, bổ sung Điều 69 của Bộ luật hình sự theo hướng làm đậm nét và ghi nhận đầy đủ hơn một số nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội đã được quy định tại Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan vừa bảo đảm tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với người chưa thành niên phạm tội, vừa thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các cam kết quốc tế bảo vệ, giáo dục trẻ em nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng, là một nỗ lực nữa trong việc làm hài hòa giữa hệ thống pháp luật quốc gia với Công ước Quyền trẻ em, do đó có ý nghĩa đối ngoại rất lớn.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều này tập trung vào 03 vấn đề sau đây:

- *Bổ sung nguyên tắc, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải “bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên”* (khoản 1 Điều 91 BLHS 2015):

Theo quy định tại Điều 3 Công ước Quyền trẻ em, “trong mọi hành động đối với trẻ em, dù là cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay của tư nhân, tòa án, nhà chức trách hành chính hay cơ quan lập pháp, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu.” Nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em không có nghĩa là coi nhẹ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác mà nội dung của nguyên tắc này là đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân, khi tiến hành một hoạt động liên quan đến trẻ em cần bảo đảm rằng quyết định đó là tốt nhất cho trẻ em, trong mối quan hệ hài hòa với các lợi ích khác, cũng như bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

Khoản 1 Điều 69 BLHS hiện hành đã quy định rõ mục đích của việc xử lý người chưa thành niên phạm tội, đó là giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, đây là nguyên tắc xuyên suốt, cần phải tuân thủ cho dù áp dụng biện pháp xử lý nào đối với người chưa thành niên. Còn nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên là một nguyên tắc có ý nghĩa định hướng cho cán bộ tiến hành tố tụng khi quyết định lựa chọn biện pháp xử lý cụ thể đối với người chưa thành niên, nhằm tìm ra biện pháp phù hợp nhất đối với các em.

- Sửa đổi nguyên tắc “Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 71 của Bộ luật này” tại khoản 4 Điều 69 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thành “*Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội nếu xét thấy việc áp dụng một trong các biện pháp tư pháp quy định tại Mục C Chương này không bảo đảm mục đích giáo dục, phòng ngừa*” (khoản 4 Điều 91 BLHS 2015).

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên ở Việt Nam cũng như ở các nước trên thế giới cho thấy các chế tài giam giữ trong nhiều trường hợp tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi cho quá trình phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng của người chưa thành niên. Tinh thần của Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế có liên quan về tư pháp người chưa thành niên cũng khuyến nghị các quốc gia thành viên hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng các chế tài giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội. Theo quy định tại Điều 37 Công ước Quyền trẻ em: “việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em... phải là biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất”. Như vậy, cách tiếp cận của Công ước trong việc áp dụng chế tài đối với người chưa thành niên là ưu tiên áp dụng các biện pháp ngoài tù, các biện pháp không giam giữ và hình phạt tù chỉ được áp dụng khi không còn cách nào khác. Trong khi đó, cách tiếp cận quy định tại khoản 4 Điều 69 được hiểu là Tòa án cân nhắc áp dụng hình phạt trước tiên, chỉ trong trường hợp không cần thiết mới áp dụng biện pháp tư pháp- với tính chất là những biện pháp thay thế hình phạt, nhân đạo hơn đối với người bị kết án.

Việc sửa đổi, bổ sung những quy định trên có ý nghĩa thiết thực trong việc định hướng cho thẩm phán khi cân nhắc, lựa chọn giữa các chế tài có thể áp dụng đối với người chưa thành niên để ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp và chế tài không tước tự do. Hình phạt tù có thời hạn chỉ được áp dụng trong trường hợp nhận thấy việc áp dụng các hình phạt không tước tự do là hoàn toàn không thích hợp, không vì lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên, đồng thời, thời hạn tù cần được xác định sao cho vừa đủ để giáo dục, phục hồi đối với người chưa thành niên, trên cơ sở cân nhắc toàn diện điều kiện và hoàn cảnh phạm tội, thân nhân của người chưa thành niên

*- Sửa đổi quy định về miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự (xử lý chuyển hướng) đối với người chưa thành niên phạm tội*

Xu hướng chung trong chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội của nhiều nước trên thế giới là ưu tiên áp dụng xử lý chuyển hướng, việc đưa người chưa thành niên vào hệ thống xử lý chính thức chỉ khi không còn cách nào khác để bảo đảm sự an toàn của cộng đồng, do vậy, tỉ lệ người chưa thành niên phạm tội được áp dụng xử lý chuyển hướng chiếm tỉ lệ rất cao. Xử lý chuyển hướng được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới như: Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Philipin, Nam Phi, Úc, Canada,....

Ở nước ta, trong tư pháp hình sự, mặc dù, khoản 2 Điều 69 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định việc miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng mà gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục và quy định này tạo tiền đề, định hướng cho việc xử lý chuyển hướng, là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và giao người chưa thành niên phạm tội cho gia đình, tổ chức tại cộng đồng thực hiện việc giám sát, giáo dục mà không cần tiếp tục xử lý hình sự. Tuy nhiên, đây không phải là biện pháp xử lý chuyển hướng theo đúng nghĩa và chế định này cũng bộc lộ nhiều bất cập, ví dụ: thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục cũng như vai trò của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại cộng đồng, các biện pháp hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng, hơn nữa, trên thực tế việc miễn trách nhiệm hình sự đồng nghĩa với việc trả tự do vô điều kiện mà không áp dụng bất kỳ các biện pháp giáo dục, phòng ngừa nào, điều này dẫn đến một thực tế là người chưa thành niên có thể tiếp tục tái phạm. Đây cũng chính là những lý do hạn chế việc áp dụng chế định này trong thực tiễn.

Thực tiễn xử lý người chưa thành niên phạm tội ở nước ta cũng cho thấy, các chế tài áp dụng đối với người chưa thành niên tương đối nghiêm khắc, hình phạt áp dụng chủ yếu là hình phạt tù, mặc dù vậy, tỉ lệ người chưa

thành niên tái phạm vẫn chiếm tỉ lệ cao. Điều này đặt ra yêu cầu về việc xem xét lại cách thức xử lý người chưa thành niên phạm tội ở nước ta để bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Bên cạnh đó, để thực hiện chủ trương nhân đạo hóa, tăng tính hướng thiện trong chính sách xử lý hình sự, nhất là đối với đối tượng cần bảo vệ đặc biệt là người chưa thành niên theo hướng sớm đưa các em ra khỏi vòng quay tố tụng khi có điều kiện để tránh những tác động tiêu cực không cần thiết thì một trong những giải pháp là nghiên cứu sửa đổi, bổ sung vào BLHS quy định về các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 theo hướng cùng với việc miễn trách nhiệm hình sự, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự (xử lý chuyển hướng) đối với người chưa thành niên phạm tội. Đồng thời, Bộ luật hình sự bổ sung một mục với 04 điều (các Điều 92, 93, 94 và 95) quy định cụ thể về áp dụng biện pháp thay thế: Khiển trách, hoà giải tại cộng đồng và giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức. Đối với mỗi biện pháp, Bộ luật cũng quy định cụ thể điều kiện áp dụng, thời hạn giám sát, giáo dục (nếu có), các điều kiện mà người chưa thành niên buộc phải tuân thủ như tham gia các chương trình tham vấn, cai nghiện, phát triển kỹ năng sống, không đi khỏi nơi cư trú, tuân thủ pháp luật,...

*Hai là, về phạm vi trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi:*

Theo quy định của BLHS 1999 (khoản 2 Điều 12), người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về (i) *tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý* và (ii) *tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, quy định như hiện nay thì diện các tội phạm mà trẻ em phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng là

không rõ ràng, minh bạch, bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác thể nào là *tội phạm nghiêm trọng do cố ý* hoặc *tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*, dẫn đến công tác phòng ngừa không đạt hiệu quả. Ngoài ra, số trường hợp trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu. Còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa,... Bản thân các em không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện (ví dụ: các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phạm về kinh tế, môi trường, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh,...). Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Kế thừa quy định của BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 chỉ rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, theo đó, các em chỉ phải chịu TNHS về việc thực hiện 29 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong BLHS thuộc 04 nhóm tội phạm: (1) các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; (2) các tội xâm phạm sở hữu; (3) các tội về ma túy; (4) các tội xâm phạm an toàn công cộng. Ngoài ra, NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm 04 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong BLHS. Đó là các tội: giết người, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; cướp tài sản và bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Như vậy, có thể thấy, trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nghiêm trọng và tính phổ biến của hành

vi phạm tội do người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi gây ra trong thời gian qua cũng như dự báo trong thời gian tới, BLHS năm 2015 đã xác định nhóm các tội danh mà các em trong độ tuổi này phải chịu TNHS (kể cả trường hợp chuẩn bị phạm tội) chủ yếu tập trung vào các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người và an toàn công cộng.

Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên, BLHS năm 2015 quy định các em phải chịu TNHS đối với hành vi chuẩn bị phạm 21 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong BLHS thuộc 04 nhóm tội phạm (các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm an toàn công cộng).

*Ba là: Hoàn thiện quy định về các chế tài áp dụng đối với người chưa thành niên*

Theo quy định của BLHS 1999, đa số các chế tài áp dụng đối với người chưa thành niên không mang tính giam giữ, bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Điều này phù hợp với mục tiêu trong chính sách xử lý người chưa thành niên phạm tội của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho người chưa thành niên được cải tạo và sửa chữa lỗi lầm trong môi trường bình thường tại cộng đồng. Tuy nhiên, do BLHS giới hạn phạm vi áp dụng các chế tài này, thông thường chỉ đối với tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, vì vậy cả 04 chế tài đều không thể áp dụng đối với đối tượng là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vì theo quy định tại Điều 12 BLHS 1999 đối tượng này chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng và do đó, hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ bao gồm 02 chế tài tước tự do: hình phạt tù có thời hạn hoặc biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Thực tiễn xử lý người chưa thành niên phạm tội cũng cho thấy, chế tài áp dụng đối với họ chủ yếu là hình phạt tù, tuy nhiên, tỉ lệ tái phạm trong lứa tuổi vị thành niên lại chiếm tỉ lệ cao. Điều này đặt ra yêu cầu về việc xem xét lại cách thức xử lý người chưa thành niên phạm tội ở nước ta để bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Bên cạnh đó, những bất cập trong công tác giáo dục, cải tạo người bị kết án phạt tù cũng gây nhiều tác động tiêu cực đến khả năng phục hồi của người chưa thành niên. Việc cách ly khỏi xã hội cũng ảnh hưởng tiêu cực, khiến các em có cảm giác bị bỏ rơi, bị đẩy ra lề xã hội, đồng thời có thể gây ra sự kỳ thị, xa lánh của cộng đồng đối với các em. Đây chính là những trở ngại đối với quá trình phục hồi và tái hoà nhập của người chưa thành niên phạm tội.

Nhằm thể chế hóa chủ trương “đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội” của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đồng thời khắc phục những bất cập của BLHS, dự thảo BLHS sửa đổi theo hướng mở rộng khả năng áp dụng các chế tài không giam giữ như phạt tiền, cải tạo không giam giữ đối với cả trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng (*Điều 99, 100 BLHS 2015*).

*Bốn là: Sửa đổi, bổ sung quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện*

- BLHS 1999 chưa có quy định đặc thù về vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người chưa thành niên, do đó dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình áp dụng. Một số nơi vận dụng quy định tại các Điều 17, 18, 52 BLHS 1999 để áp dụng, một số nơi cho rằng không có cơ sở pháp lý để quyết định hình phạt trong trường



hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người chưa thành niên. Để giải quyết vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, cùng với việc sửa đổi Điều 17 về chuẩn bị phạm tội, theo đó loại trừ trách nhiệm hình sự đối với NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội, BLHS 2015 bổ sung 01 điều (Điều 102) về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người chưa thành niên. Theo đó:

Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội: Bộ luật hình sự 2015 loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội và quy định “mức hình phạt cao nhất đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá 1/2 mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng” (khoản 2 Điều 102)

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt: Bộ luật hình sự 2015 quy định “mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá 1/3 mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật” (và “mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá 1/2 mức phạt cao nhất quy định tại Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật” (khoản 3 Điều 102).

- BLHS 1999 chỉ mới quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 75) mà chưa có quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án áp dụng đối với người chưa thành niên. Hơn nữa, quy định tại Điều 75 cũng bộc lộ nhiều hạn chế: *một là*, chỉ quy định nguyên tắc tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội có tội thực hiện trước khi người đó 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi người đó 18 tuổi mà chưa có quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp các tội đều thực hiện trước khi người đó 18 tuổi (trường hợp các tội được thực hiện khi người đó đủ 16 tuổi đến dưới

18 tuổi và trường hợp có tội thực hiện khi người đó đủ 14 đến dưới 16, có tội thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi); *hai là*, khái niệm tội nặng nhất quy định tại Điều 75 rất khó xác định trên thực tế, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình tổng hợp hình phạt. Vì vậy, BLHS 2015 đã bổ sung thêm 01 điều mới về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án và hoàn thiện thêm một bước quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 103 và Điều 104)

- Bộ luật hình sự 2015 bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Đây là biện pháp trả tự do sớm có điều kiện áp dụng đối với người đang chấp hành hình phạt tù để họ được cải tạo, sửa chữa lỗi lầm với sự giúp đỡ và giám sát của gia đình, các cơ quan, đoàn thể xã hội; sau khi được trả tự do, người đó phải tuân thủ một số điều kiện nhất định do cơ quan có thẩm quyền xác định trong một thời gian nhất định. Nếu trong thời gian thử thách mà người phạm tội vi phạm các điều kiện đặt ra thì tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền có thể thay đổi điều kiện thử thách hoặc có thể buộc người đó phải chấp hành nốt thời hạn còn lại của hình phạt tù trong trại giam. Biện pháp này được áp dụng rộng rãi tại nhiều nước trên thế giới.

Đối với người chưa thành niên thì chế định này không chỉ góp phần đạt được mục tiêu của việc xử lý người chưa thành niên phạm tội là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội mà còn thực sự vì lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên, phù hợp với nguyên tắc chỉ áp dụng hình phạt giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội như biện pháp sau cùng, trong thời gian thích hợp ngắn nhất theo yêu cầu của Công ước về Quyền trẻ em.

Theo BLHS 2015, chế định này không chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên mà được áp dụng chung. Riêng đối với người chưa thành niên thì điều kiện xem xét áp dụng có tính đặc thù so với người đã thành niên (ví dụ: thời hạn đã thực sự chấp hành án tù để xem xét là 1/3 trong khi đối với người

đã thành niên là 1/2;...), về thời gian thử thách đối với người chưa thành niên là từ 1 năm đến 05 năm (Điều 106).

*Năm là: Hoàn thiện quy định về xoá án tích đối với người chưa thành niên bị kết án*

Chế định xoá án tích đối với người chưa thành niên hiện nay cũng phân chia thành hai loại như đối với người đã thành niên, bao gồm trường hợp đương nhiên được xoá án tích và xoá án tích theo quyết định của Tòa án. So với người đã thành niên phạm tội thì các quy định này chỉ có một điểm khác là thời hạn đương nhiên xoá án tích đối với người chưa thành niên thấp hơn so với người đã thành niên.

Cùng với việc thay đổi chính sách về xoá án tích nói chung, xoá án tích đối với người chưa thành niên cũng có những chính sách đổi mới, nhằm tạo điều kiện cho các em tái hoà nhập cộng đồng thuận lợi. Bộ luật hình sự 2015 quy định người chưa thành niên bị kết án về một tội do vô ý, tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do cố ý thì không bị coi là có án tích. Chỉ người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý thì mới bị coi là có án tích và sẽ được xoá án tích nếu trong thời hạn 03 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không phạm tội mới theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án (Điều 107).

BLHS 2015 đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em. Vì vậy, QĐHP đối với NCTN phạm tội rất cần đến sự hướng dẫn thi hành pháp luật và tập huấn về những điểm mới của BLHS 2015 nhằm nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử tại các địa phương. Tòa án nhân dân tối cao đóng vai trò rất quan trọng

trong công tác hướng dẫn thi hành và tập huấn pháp luật. Thực tế cho thấy, hiện nay công tác hướng dẫn thi hành pháp luật của Tòa án Tối cao chưa đáp ứng được nhu cầu của các Tòa án địa phương. Bên cạnh công tác hướng dẫn thi hành pháp luật chưa được quan tâm đúng mức, việc tập huấn của Tòa án nhân dân Tối cao cũng chưa được làm thường xuyên. Theo quy định tại Điều 22 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì Hội đồng Thẩm phán TANDTC có nhiệm vụ “Hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật”. Việc hướng dẫn này thường thực hiện bằng cách ban hành các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, Công văn khoa học xét xử, báo cáo rút kinh nghiệm trong công tác xét xử hàng năm. Tuy nhiên, từ thực tiễn xét xử cho thấy việc hướng dẫn khó có thể quy định chi tiết cho từng trường hợp cụ thể cũng như bao quát hết các trường hợp chưa rõ ràng của pháp luật, rất nhiều điều luật chưa được hiểu một cách thống nhất, tạo ra những cách hiểu khác nhau, chưa được hướng dẫn kịp thời. Vì vậy, để bảo đảm thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, Tòa án nhân dân tối cao cần tổ chức tập huấn, phổ biến, quán triệt nội dung của Bộ luật hình sự 2015 để đảm bảo thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

### ***3.2.2. Triển khai quy định của pháp luật về tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên***

Xây dựng Tòa gia đình và NCTN là một xu hướng khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, gắn liền với việc ban hành một đạo luật riêng về tư pháp NCTN. Hiện nay, có 3 mô hình Tòa án cho NCTN gồm có: Tòa án cho người chưa thành niên có nguy cơ cao hay còn gọi là mô hình an sinh phúc lợi hoặc phục hồi, mô hình trừng phạt, Tòa án gia đình.

Thành lập Tòa gia đình và NCTN ở nước ta chính là một trong những biện pháp tổ chức - pháp lý đặc biệt, góp phần hoàn thiện hệ thống tư pháp

cho NCTN và cũng là sự khẳng định mạnh mẽ cam kết chính trị - pháp lý của Nhà nước ta trong việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em.

Do vậy, nhằm thể chế hóa những đường lối, chủ trương của Đảng về tổ chức, hoạt động của TAND, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đồng thời cụ thể hóa những nguyên tắc tư pháp tiên bộ được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, ngày 24/11/2014 Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Tòa án nhân dân, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2015. Về cơ cấu tổ chức của TAND các cấp được quy định tại các Điều 30; Điều 38 và Điều 45 Luật tổ chức TAND đều quy định Tòa gia đình và NCTN. Đây là điểm mới vượt bậc của các nhà lập pháp trong tiến trình cải cách tư pháp.

Việc xây dựng Tòa gia đình và NCTN tạo môi trường xét xử đáp ứng những yêu cầu bảo vệ và thúc đẩy các quyền trẻ em, đặc biệt với diễn biến tình hình tội phạm NCTN. Hơn nữa, không chỉ áp dụng cho bị cáo mà cho cả người bị hại, người làm chứng là người tham gia tố tụng. Những quy định đặc biệt này phải đảm bảo rằng NCTN vi phạm pháp luật được đối xử với thái độ tôn trọng, phù hợp với phẩm giá, độ tuổi và nguyện vọng cũng như mong muốn được sớm phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của NCTN phạm tội. Có như vậy quyền lợi của trẻ em mới được đảm bảo một cách đầy đủ, đúng đắn nhất phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Tuy nhiên, Luật tổ chức Tòa án đến nay đã có hiệu lực thi hành nhưng đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện kịp thời, trong những năm gần đây, tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm của NCTN có chiều hướng gia tăng và có diễn biến phức tạp. Vì vậy, việc sớm thành lập Tòa gia đình và NCTN ở mỗi cấp xét xử là thật sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, việc thực hiện chủ trương này nhằm khuyến khích công tác xây dựng đội ngũ các chức danh tư pháp chuyên trách như Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên...

dành riêng cho NCTN nhằm đảm bảo cho quyền lợi của họ được bảo vệ tốt nhất.

### ***3.2.3. Nâng cao năng lực, trình độ người tiến hành tố tụng***

Công tác cán bộ là vấn đề then chốt, công tác tuyển chọn cán bộ cần phải đảm bảo cả về tài và đức. Trước đòi hỏi của thực tế, cần phải xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan tư pháp nói chung, cũng như cơ quan xét xử nói riêng có đầy đủ bản lĩnh nghề nghiệp, tinh thông nghiệp vụ, nâng cao kiến thức năng lực chuyên môn. Ngoài ra, một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và quyết định hình phạt nói riêng chính là vấn đề ý thức pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ ảnh hưởng của đạo đức đến chất lượng công tác “*có đức mà không có tài, làm việc gì cũng khó. Có tài mà không có đức là người vô dụng*”. Quyết định hình phạt là hoạt động chuyên môn liên quan trực tiếp đến biện pháp xử lý người phạm tội. Vì vậy, để có thể quyết định một hình phạt đúng pháp luật, công bằng, hợp lý đối với người phạm tội, trong đó có NCTN thì các vấn đề về ý thức pháp luật, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp của cán bộ thực thi pháp luật đóng vai trò quan trọng. Chính vì vậy, song song với việc thành lập Tòa chuyên trách cho NCTN thì đội ngũ những người tiến hành tố tụng cần được chuẩn hóa về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực xét xử.

### ***3.2.4. Tăng cường giám đốc xét xử, xây dựng án lệ***

Theo quy định tại Điều 22 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì Hội đồng Thẩm phán TANDTC có nhiệm vụ “*Hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật*”. Việc hướng dẫn này thường thực hiện bằng cách ban hành các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, Công văn khoa học xét xử, báo cáo rút kinh nghiệm trong công tác xét xử hàng năm. Tuy nhiên, từ thực tiễn xét

xử cho thấy việc hướng dẫn khó có thể quy định cho tiết cho từng trường hợp cụ thể cũng như bao quát hết các trường hợp chưa rõ ràng của pháp luật, rất nhiều Điều luật chưa được hiểu một cách thống nhất, tạo ra những cách hiểu khác nhau, chưa được hướng dẫn kịp thời. Do vậy, Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần triển khai và ban hành án lệ để đường lối xét xử nói chung được thống nhất. Đây là bước phát triển mới trong tiến trình cải cách tư pháp.

Theo quy định tại Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp...”. Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của TANDTC là “Tổng kết thực tiễn xét xử của các Tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử” đồng thời Điều 22 Luật tổ chức TAND năm 2014 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thẩm phán TANDTC trong đó có “Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”.

Đồng thời, cần phải tăng cường công tác giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với các Tòa án cấp dưới, kịp thời phát hiện các sai lầm để uốn nắn, rút kinh nghiệm trong hoạt động xét xử.

### **3.2.5. Các giải pháp khác**

*Thứ nhất*, tăng cường xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng áp dụng các biện pháp tư pháp, miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt.

Đối với NCTN phạm tội, việc truy cứu trách nhiệm hình sự không đồng nhất với việc buộc họ phải chịu hình phạt, mà bên cạnh đó còn có thể áp dụng các biện pháp tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa.

Theo quy định tại Điều 70 BLHS hai biện pháp cưỡng chế tư pháp có tính chất giáo dục, phòng ngừa và được Tòa án áp dụng riêng (đặc thù) đối

với NCTN phạm tội mà xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với họ là: giáo dục tại xã phường, thị trấn và đưa vào trại giáo dưỡng.

Những biện pháp tư pháp này có điểm đặc biệt là: có tác dụng thay thế hình phạt và NCTN phạm tội được áp dụng các biện pháp này thì không bị coi là có án tích. Việc quy định hai biện pháp tư pháp có thể thay thế cho hình phạt khi áp dụng đối với NCTN phạm tội đã thể hiện tinh thần nhân đạo và quan điểm bảo vệ quyền con người.

Bên cạnh biện pháp tư pháp, hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội, luật hình sự còn quy định nhiều biện pháp xử lý khoan hồng áp dụng riêng đối với NCTN phạm tội, thể hiện tinh thần bảo đảm quyền con người của NCTN phạm tội. Các biện pháp xử lý hình sự mang tính khoan hồng đó là: Miễn trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội (khoản 2 Điều 69 BLHS) và giảm, miễn chấp hành hình phạt đã tuyên áp dụng riêng đối với NCTN phạm tội (Điều 76 BLHS).

Đồng thời, theo tác giả thì áp dụng miễn TNHS theo quy định tại Điều 25 BLHS hoặc miễn hình phạt theo hướng áp dụng đối với các đối tượng phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng đối với NCTN phạm tội theo quy định tại Điều 54 BLHS trừ trường hợp là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, khi áp dụng các quy định như trên là phù hợp với nguyên tắc nhân đạo khi xét xử đối với người NCTN phạm tội. Và khi áp dụng theo hướng này, việc truy cứu TNHS đối với NCTN phạm tội chỉ được đặt ra khi nó thật sự cần thiết, việc QĐHP đối với NCTN chỉ là biện pháp cuối cùng khi các biện pháp xử lý khác của Nhà nước không còn hiệu quả. Trong trường hợp có những biện pháp xử lý khác khoan hồng mà không cần phải áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội thì ưu tiên áp dụng các biện pháp khoan hồng này.

*Thứ hai*, nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt.



Trên thực tế thì kết quả rà soát về xử lý chuyên hướng và tư pháp phục hồi tại quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng trong những năm gần đây thấy rằng, NCTN sau khi chấp hành xong hình phạt hoặc áp dụng các chế tài không giam giữ đối với NCTN vi phạm pháp luật, nhưng trên thực tế, công tác giám sát và hỗ trợ NCTN quản lý tại cộng đồng thường không được tiến hành hiệu quả và đồng bộ. Mặc dù NCTN bị áp dụng những biện pháp này thường phải ký cam kết với cơ quan hoặc tổ chức chịu trách nhiệm giáo dục, giám sát mình những những cam kết này nhiều khi không có ý nghĩa thực tiễn đối với NCTN và rất ít khi giúp giải quyết được những yếu tố nguy cơ đã góp phần dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật của NCTN. Các cộng đồng địa phương hầu hết đều có rất ít nguồn lực để trợ giúp cho NCTN giải quyết những khó khăn thách thức của mình, do đó, tỷ lệ tái phạm trong nhóm NCTN quản lý tại địa cộng đồng thường tương đối cao, dẫn đến việc thiếu sự tin tưởng đối với các biện pháp này.

Mặc dù sự phối hợp giữa các cơ quan có ý nghĩa rất quan trọng nhưng kinh nghiệm từ các mô hình hoạt động hiệu quả của quốc tế đã cho thấy, cần chỉ định một cơ quan chủ chốt chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện hoạt động chuyên dẫn và quản lý, đồng thời xây dựng và hoàn thiện thêm các chương trình hỗ trợ chuyên nghiệp để giải quyết hành vi vi phạm của NCTN.

Do đó, để thúc đẩy việc tăng cường áp dụng các biện pháp tại cộng đồng, cần phải có những nỗ lực củng cố công tác giám sát hỗ trợ cho NCTN bị áp dụng các biện pháp xử lý tại cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng cho NCTN phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt.

### **Kết luận chương 3**

Bằng những số liệu thống kê cụ thể về thực tiễn áp dụng QĐHP đối với NCTN phạm tội tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ở Chương 2, tác giả

đã đưa ra các yêu cầu và giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội. Những giải pháp này không chỉ đối với những quy định liên quan trực tiếp mà trong đó còn có cả những quy định liên quan gián tiếp đến việc áp dụng quy định của BLHS về QĐHP nói chung và QĐHP đối với NCTN phạm tội.

Ngoài giải pháp về thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật, luận văn còn đưa ra các giải pháp về tăng cường giám đốc xét xử, xây dựng án lệ và các giải pháp về tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên cơ sở thực tiễn xét xử tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

## KẾT LUẬN

QĐHP là hoạt động tư duy của Hội đồng xét xử, cụ thể là hoạt động tư duy của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân ngay sau khi xác định được tội danh đối với hành vi phạm tội của người bị kết án. Nếu định tội danh là tiền đề, là cơ sở cho việc QĐHP thì QĐHP là kết quả cuối cùng của hoạt động xét xử. QĐHP chính xác, đúng pháp luật và công bằng có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Do vậy, ngoài việc định tội chính xác, Tòa án còn phải tuân theo những nguyên tắc, căn cứ về QĐHP được quy định trong BLHS và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của từng địa phương nơi xảy ra tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là khi họ tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án. Do đó, tùy theo lứa tuổi, mức độ trưởng thành và nhu cầu cá nhân mà họ cần được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật. Khi QĐHP đối với NCTN phạm tội, Tòa án phải xác định mục đích chính trong các hình phạt đối với họ nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do vậy, cần áp dụng các chính sách hình sự để giảm nhẹ đặc biệt cho đối tượng này. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành thì Tòa án chỉ có thể lựa chọn một trong bốn hình phạt là: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn.

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự khi QĐHP đối với NCTN phạm tội của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được thì việc áp dụng chế tài đối với NCTN phạm tội vẫn còn áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất đối với họ là hình phạt tù có thời hạn, ít áp dụng các chế tài khác mà pháp luật hình sự quy định, việc áp dụng pháp luật hình sự để QĐHP trong thời gian qua đôi lúc chưa đạt được kết quả như

mong muốn. Điều này do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những hạn chế, bất cập của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc xử lý người chưa thành niên phạm tội cũng như những hạn chế, sai sót của các cấp Tòa án. Để khắc phục tình trạng này, đòi hỏi các cơ quan chức năng có thẩm quyền cần phải sớm xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay. Đồng thời, Đảng và Nhà nước ta cũng cần phải quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo nguồn nhân lực mà đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán chuyên xét xử các vụ án hình sự đối với NCTN để tiến đến thành lập Tòa gia đình và NCTN. Cũng như tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, các tranh thiết bị làm việc để hệ thống TAND hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ chính trị ngày càng nặng nề mà Đảng và nhân dân đã giao phó, được quy định trong Hiến pháp năm 2013 “... là cơ quan thực hiện quyền tư pháp”. Có như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN phạm tội mới được bảo vệ một cách triệt để và có hiệu quả.

Từ thực tiễn xét xử các vụ án hình sự của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, luận văn “Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng” tập trung nghiên cứu và làm rõ nội dung sau đây:

1. Luận văn đã nghiên cứu, phân tích, luận giải và làm rõ khái niệm, đặc điểm của người chưa thành niên phạm tội, các hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội, cơ sở của những quy định này theo pháp luật hình sự hiện hành. Từ đó làm rõ khái niệm, nguyên tắc và căn cứ QĐHP đối với NCTN phạm tội. Luận văn đã nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về QĐHP đối với NCTN phạm tội, để từ đó đưa ra phương hướng cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự đối với NCTN, hướng tới mục tiêu đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN.

2. Đối chiếu với những vấn đề lý luận về QĐHP đối với NCTN phạm tội, trên cơ sở nghiên cứu luật thực định, luận văn đã nêu lên tình hình xét xử

các vụ án hình sự đối với NCTN phạm tội tại TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015) để đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về QĐHP đối với NCTN phạm tội. Trên cơ sở đó luận văn chỉ ra nguyên nhân của vi phạm, sai lầm trong QĐHP đối với NCTN phạm tội tại TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn QĐHP đối với NCTN phạm tội từ thực tiễn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo pháp luật hình sự hiện hành, luận văn đã nghiên cứu các yêu cầu và giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội. Các giải pháp mà luận văn đề ra tập trung vào việc cần hướng dẫn, thi hành, tập huấn và phổ biến thống nhất Bộ luật hình sự năm 2015 và các giải pháp khác như: Triển khai thành lập Tòa gia đình và NCTN phạm tội; Nâng cao năng lực, trình độ người tiến hành tố tụng; Tăng cường giám đốc xét xử, xây dựng án lệ; tăng cường xử lý đối với NCTN phạm tội theo hướng áp dụng các biện pháp tư pháp, miễn TNHS hoặc miễn hình phạt; Nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng cho NCTN phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt.

Chỉ khi nào hoàn thiện những vấn đề trên thì Tòa án mới có những căn cứ chuẩn mực để quyết định một hình phạt đúng pháp luật, công bằng đối với mỗi tội phạm và người phạm tội, nhằm đạt được mục đích hình phạt và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đối với NCTN phạm tội trong thời kỳ đổi mới.

Luận văn đã tập trung giải quyết tương đối cơ bản những vấn đề lý luận và thực tiễn QĐHP đối với NCTN phạm tội; tác giả hy vọng luận văn góp phần đưa BLHS nói riêng và pháp luật hình sự nói chung trở thành công cụ hữu hiệu trong việc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Việc tiếp tục nghiên cứu đề tài này không chỉ có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn trong việc hoạch định và thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước trong thời gian tiếp theo mà còn là nhiệm vụ của các nhà khoa học, những người đang làm việc trong cơ quan tư pháp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt:

1. Bản quy tắc về các chuẩn mực tối thiểu của Liên hợp quốc về quản lý tư pháp người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh) (1985), *(được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 29/11)*.
2. Bản quy tắc của Liên hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước đoạt tự do (JDs) (1990), *(được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 14/12)*.
3. Bản án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên phạm tội của TAND quận Hải Châu, *thành phố Đà Nẵng từ năm 2011-2015*.
4. Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1990).
5. Chính phủ (2000), *Nghị định số 59/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với NCTN phạm tội*.
6. Chính phủ (2000), *Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành cải tạo không giam giữ*.
7. Chính phủ (2000), *Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo*.
8. Chính phủ (2000), *Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên*.
9. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội*.
10. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội*.

11. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 28/5/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
12. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Học viện Tư pháp (2006), *Kỹ năng xét xử vụ án hình sự*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
14. Nguyễn Đình Huệ (2007), *Một số vấn đề yêu cầu cử người bào chữa cho bị cáo theo khoản 2 Điều 57 của BLTTHS*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 7), tr. 42 - 44.
15. TS. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Cao Thị Oanh (chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội - 2012
17. ThS. Đỗ Thị Phương (2004), *Bàn về khái niệm và cơ sở áp dụng thủ tục đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học (số 4).
18. ThS. Đinh Văn Quế (2012), *Bình luận Khoa học Bộ luật hình sự - Phần chung*, Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
20. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
22. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.

26. Quốc hội (2004), *Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
28. TS. Hoàng Minh Sơn (2009), *Hoàn thiện một số quy định của BLTTHS về thủ tục phiên tòa sơ thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Luật học (số 10), tr.59-65.
29. Quách Hữu Thái (2010), *Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 6), tr.30-34.
30. Nguyễn Thanh Tùng (2012), *Thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội, đề xuất và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 30), tr 13-18.
31. TANDTC, VKSNDTC, BCA, BTP, BLLĐTB&XH (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ 3 “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao (2008), *Tài liệu tham khảo – Hội nghị triển khai công tác năm 2008 của ngành TAND*, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/TANDTC ngày 10/6/2002 hướng dẫn thi hành một số vấn đề về nghiệp vụ cho các TAND địa phương*, Hà Nội.



37. Tòa án nhân dân Tối cao (1999), *Công văn số 16/KHXX ngày 01/02/1999 hướng dẫn một số vấn đề về Hình sự, Dân sự, Kinh tế, Lao động, Hành chính và Tố tụng*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân Tối cao (2009), *Sổ tay Thẩm phán*, Nxb Lao động, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân Tối cao (1976), công văn số 37-NCPL ngày 16/01/1976
40. ThS. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của Phân chung BLHS trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
43. GS.TS Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật hình sự phân chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. GS.TS Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phân các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.

Trang website:

45. Website: <http://www.chinhphu.vn>
46. Website: <http://www.westlaw.com>
47. Website: <http://www.dangcongsan.vn>
48. Website: <http://www.luathoc.vn>
49. Website: <http://www.lawsoft.thuvienphapluat.vn>